

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG "HỌC TẬP TỐT - RÈN LUYỆN TỐT"  
NĂM HỌC 2023 - 2024

(Kèm theo quyết định số: 84/QĐ-DSG-TĐKT ngày 25 tháng 9 năm 2024  
của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghệ Sài Gòn)

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập năm học 2023-2024	Điểm TB ĐGRL năm học 2023-2024	Ghi chú
<b>I. Xuất sắc</b>						
1	DH12101484	Trần Xuân Quý	D21_ROAI01	9,50	95	
<b>II. Giỏi</b>						
1	DH12004075	Huỳnh Ngọc Hải	D20_CDTU01	8,98	82	
2	DH12300046	Nguyễn Cao Hoàng Anh	D23_CDT01	8,29	83	
3	DH12301297	Nguyễn Văn Trọng Nghĩa	D23_CDT01	8,96	80	
4	DH12302189	Lê Thanh Tú	D23_CDT01	8,78	84	
5	DH32006402	Trương Lâm Nhật Tiến	D20_DDT02	8,10	83	
6	DH32114554	Nguyễn Anh Tiên	D21_TDH01	8,00	80	
7	DH42200281	Lý Ngọc Quang	D22_VT01	8,01	86	
8	DH42300638	Nguyễn Quốc Hùng	D23_VT01	8,18	80	
9	DH52006823	Nguyễn Huỳnh Quốc Việt	D20_TH05	8,63	86	
10	DH52100180	Lý Kim Long	D21_TH02	8,80	80	
11	DH52101497	Lê Yên Đan	D21_TH04	8,02	82	
12	DH52110602	Nguyễn Hoàng Bảo	D21_TH05	8,23	92	
13	DH52108690	Trần Đoàn Xuân Thắng	D21_TH06	8,59	90	
14	DH52110854	Huỳnh Tích Hải	D21_TH07	9,08	83	
15	DH52111857	Văn Đình Thuật	D21_TH10	8,41	81	
16	DH52111975	Ngô Quang Trường	D21_TH11	8,36	86	
17	DH52113023	Nguyễn Minh Trường	D21_TH11	8,05	98	
18	DH52110526	Châu Nguyễn Trường An	D21_TH14	8,56	85	
19	DH52200559	Lê Khánh Duy	D22_TH01	8,83	83	
20	DH52200758	Huỳnh Lai Hữu	D22_TH01	8,42	80	
21	DH52200948	Ngô Anh Kiệt	D22_TH02	8,09	81	
22	DH52201580	Nguyễn Quốc Tịnh	D22_TH02	8,06	80	
23	DH52200683	Nguyễn Thanh Hiếu	D22_TH03	8,49	81	
24	DH52201070	Nguyễn Thị Trúc My	D22_TH03	8,51	80	
25	DH52201475	Nguyễn Hoàng Phương Thảo	D22_TH03	8,84	85	
26	DH52200923	Đỗ Tiến Anh Khôi	D22_TH04	8,01	84	
27	DH52201324	Nguyễn Võ Anh Quốc	D22_TH04	8,95	91	
28	DH52200446	Võ Chung Khánh Đăng	D22_TH06	8,45	83	
29	DH52201566	Hồ Văn Tín	D22_TH06	8,20	80	
30	DH52200694	Đỗ Thuận Hòa	D22_TH07	8,68	87	
31	DH52200431	Nguyễn Cường Đại	D22_TH08	8,54	80	
32	DH52200762	Đình Viết Huy	D22_TH08	8,04	88	
33	DH52200450	Lâm Công Danh	D22_TH10	8,26	81	
34	DH52201163	Nguyễn Thị Hồng Nhu	D22_TH10	8,67	86	
35	DH52200374	Phan Trần Thái Bảo	D22_TH11	8,60	80	

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập năm học 2023-2024	Điểm TB ĐGRL năm học 2023-2024	Ghi chú
36	DH52201028	Trần Bảo Long	D22_TH11	8,10	84	
37	DH52201797	Trần Thị Kim Yến	D22_TH13	8,02	86	
38	DH52302098	Nguyễn Minh Trí	D23_TH01	8,52	82	
39	DH52302237	Hà Thanh Tùng	D23_TH01	8,22	83	
40	DH52300794	Nguyễn Minh Khang	D23_TH03	8,49	80	
41	DH52300596	Huỳnh Lâm Hoàng	D23_TH04	8,40	80	
42	DH52300664	Huỳnh Lâm Huy	D23_TH04	8,69	80	
43	DH52300095	Võ Đình Hoàng Anh	D23_TH05	8,55	80	
44	DH52302091	Lê Minh Trí	D23_TH07	8,16	80	
45	DH52301174	Phan Văn Mạnh	D23_TH08	8,75	81	
46	DH52301456	Nguyễn Khương Yến Ny	D23_TH10	9,46	80	
47	DH52301343	Lê Phạm Thanh Nguyệt	D23_TH11	8,38	80	
48	DH52301434	Lâm Phi Nhung	D23_TH11	9,11	80	
49	DH52300129	Bùi Công Bằng	D23_TH12	8,99	80	
50	DH52300224	Dương Đình Danh	D23_TH12	9,07	82	
51	DH52300694	Nguyễn Ngọc Huy	D23_TH13	8,12	89	
52	DH62000011	Nguyễn Lê Bảo Ngọc	D20_TP01	8,07	83	
53	DH62001078	Đỗ Thị Quỳnh Như	D20_TP01	8,02	83	
54	DH62112551	Trịnh Ngô Bảo Nghi	D21_CNTP01	8,79	80	
55	DH62201861	Cao Phúc	D22_TP02	8,06	84	
56	DH72000634	Đoàn Thị Tuyết Hân	D20_KD01	8,73	82	
57	DH72006933	Hà Thị Mỹ	D20_KD02	8,27	88	
58	DH72007327	Dương Thị Ngọc Trâm	D20_KD02	8,30	91	
59	DH72000197	Lê Huy Trường	D20_MAR03	8,33	85	
60	DH72003873	Phạm Hồng Thư	D20_MAR04	8,21	81	
61	DH72007287	Vân Nguyễn Thị Thu Nga	D20_MAR05	8,52	85	
62	DH72001980	Hồ Thị Ngọc Hân	D20_TC01	8,01	85	
63	DH72005206	Tăng Kiệt Đình	D20_TC02	8,66	88	
64	DH72005240	Trương Minh Quỳnh Giang	D20_TC02	8,14	82	
65	DH72006670	Huỳnh Thị Yến Nhi	D20_TC02	8,76	88	
66	DH72007414	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	D20_TC03	8,06	89	
67	DH72007108	Nguyễn Huỳnh Thảo Hương	D20_TC03	8,15	80	
68	DH72005414	Nguyễn Thị Thu Nguyệt	D20_TC03	8,09	87	
69	DH72005654	Đỗ Thanh Xuân	D20_TC03	8,29	80	
70	DH72113737	Mai Thành Đạt	D21_KD02	8,32	94	
71	DH72114248	Nguyễn Trần Quyên Trâm	D21_MAR01	8,04	90	
72	DH72109717	Lê Thị Hồng Gám	D21_MAR02	8,45	81	
73	DH72109090	Trương Thị Trúc Ly	D21_MAR02	8,09	92	
74	DH72108938	Hồ Hoàng Mên	D21_MAR02	8,45	88	
75	DH72109989	Nguyễn Gia Minh	D21_MAR02	8,02	80	
76	DH72110105	Trương Hồng Nhung	D21_MAR02	8,50	86	
77	DH72104735	Nguyễn Thị Thu Hằng	D21_MAR03	8,10	80	
78	DH72110515	Bùi Thị Yến	D21_MAR05	8,40	85	
79	DH72100105	Lê Thị Thùy Ngân	D21_TC01	8,72	85	
80	DH72105117	Trần Hồng Ngọc	D21_TC01	8,99	80	
81	DH72105212	Nguyễn Thị Phương Huyền	D21_TC02	8,38	95	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập năm học 2023-2024	Điểm TB ĐGRL năm học 2023-2024	Ghi chú
82	DH72109712	Nguyễn Thị Thục	Đoan	D21_TC03	8,34	83	
83	DH72110029	Phụng Châu Tuyết	Ngân	D21_TC03	8,59	82	
84	DH72110213	Vũ Cao	Sáng	D21_TC03	8,29	84	
85	DH72110470	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	D21_TC03	8,30	81	
86	DH72202146	Huỳnh Thị Thùy	Linh	D22_QT01	8,15	85	
87	DH72202254	Phạm Yến	Nhi	D22_QT01	8,59	84	
88	DH72202430	Trần Bảo	Trân	D22_QT04	8,18	82	
89	DH72202245	Đỗ Thị Yến	Nhi	D22_QT05	8,40	81	
90	DH72202215	Trần Thị Kim	Ngân	D22_QT08	8,19	84	
91	DH72300003	Dương Thị Xuân	An	D23_QT03	8,54	91	
92	DH72300648	Võ Nguyễn Trúc	Huỳnh	D23_QT03	8,20	93	
93	DH72300987	Nguyễn Thị Thúy	Lan	D23_QT03	8,20	91	
94	DH92106536	Lê Kim	Yến	D21_TK1TD	8,12	82	
95	DH92108688	Nguyễn Tuấn	Phát	D21_TK3DH1	8,10	80	
96	DH92114712	Phạm Mai Hoàng	Yến	D21_TK3DH2	8,29	87	
97	DH92106074	Nguyễn Ngọc	Nga	D21_TK4NT	8,16	82	
98	DH92101576	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	D21_TK4NT	8,02	80	
99	DH92202684	Trương Anh	Hùng	D22_TK3DH3	8,24	83	
100	DH92202719	Lê Quốc	Luân	D22_TK3DH3	8,79	93	
101	DH92202795	Tô Thế Minh	Quang	D22_TK3DH3	8,74	88	
102	DH92302057	Bùi Huyền	Trâm	D23_TK3DH1	8,11	85	
103	DH92302251	Nguyễn Hoàng Xuân	Tuyết	D23_TK3DH1	8,91	80	
104	DH92301647	Bùi Ngọc	Quỳnh	D23_TK3DH2	8,28	84	
105	DH92300246	Nguyễn Hoàng	Dung	D23_TK3DH3	8,60	80	
106	DH92300849	Lê Phú	Khải	D23_TK3DH3	8,02	87	
107	DH92300981	Cao Nguyên Hoa	Lan	D23_TK3DH4	8,30	80	
108	DH92301459	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	D23_TK4NT	8,20	80	
<b>III. Khá</b>							
1	DH12006583	Nguyễn Hữu	Nghĩa	D20_ROAI01	8,01	72	
2	DH12006318	Dương Trần Hưng	Phát	D20_ROAI01	7,93	77	
3	DH12006338	Lý Phi	Tùng	D20_CDTU01	7,84	72	
4	DH12000464	Nguyễn Ngọc	Tuấn	D20_ROAI01	7,75	75	
5	DH12003917	Hồ Khánh	Tường	D20_ROAI01	7,67	66	
6	DH12002321	Trần Minh	Quyên	D20_CDTU01	7,42	70	
7	DH12004807	Nguyễn Minh	Quân	D20_CDTU01	7,30	72	
8	DH12001935	Tô Quang	Hữu	D20_ROAI01	7,25	92	
9	DH12001918	Lê Tấn	Lộc	D20_ROAI01	7,25	70	
10	DH12006331	Nguyễn Đình Hữu	Tài	D20_CDTU01	7,18	72	
11	DH12002449	Lê Ngọc	Tú	D20_CDTU01	7,16	70	
12	DH12006323	Nguyễn Bá	Phúc	D20_CDTU01	7,11	80	
13	DH12002290	Thái Anh	Ngọc	D20_ROAI01	7,10	75	
14	DH12112147	Nguyễn Đình Quốc	Bình	D21_CDTU01	8,04	77	
15	DH12103680	Nguyễn Chí	Tài	D21_ROAI01	7,96	85	
16	DH12114699	Phan Thanh	Toàn	D21_CDTU01	7,77	73	
17	DH12108327	Nguyễn Huy	Hùng	D21_CDTU01	7,74	66	
18	DH12102241	Dương Phúc	Tuệ	D21_CDTU01	7,71	72	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập năm học 2023-2024	Điểm TB ĐGRL năm học 2023-2024	Ghi chú
19	DH12112167	Nguyễn Phương	Đông	D21_CDTU01	7,40	67	
20	DH12103445	Lê Minh	Tài	D21_CDTU01	7,34	92	
21	DH12107857	Phạm Thành	Hung	D21_CDTU01	7,11	72	
22	DH12202976	Lê Nhật	Minh	D22_CDT01	8,35	75	
23	DH12200075	Phan Đăng	Phú	D22_CDT01	8,41	70	
24	DH12203680	Huỳnh Gia	Huy	D22_CDT01	7,50	71	
25	DH12200082	Hoàng Huy	Quang	D22_CDT01	7,42	82	
26	DH12200068	Huỳnh Tiến	Phát	D22_CDT01	7,32	77	
27	DH12200015	Nguyễn Mạnh	Dũng	D22_CDT02	7,21	74	
28	DH12200011	Nguyễn Thành	Đạt	D22_CDT01	7,10	66	
29	DH12200007	Nguyễn Văn	Chương	D22_CDT02	7,10	69	
30	DH12200004	Triệu Duy	Anh	D22_CDT02	7,03	70	
31	DH12302180	Võ Nhật	Trường	D23_CDT02	7,28	79	
32	DH12302199	Nguyễn Thanh	Tú	D23_CDT01	7,21	66	
33	DH12302930	Trần Ngọc	Quân	D23_CDT02	7,16	74	
34	DH12302163	Đoàn Bùi Nhật	Trường	D23_CDT01	7,10	72	
35	DH32001310	Huỳnh Nhật	Phương	D20_DDT01	8,06	74	
36	DH32006367	Lê Trung	Hiếu	D20_DDT02	8,32	73	
37	DH32006370	Nguyễn Vũ	Hòa	D20_DDT02	8,14	68	
38	DH32006995	Trần Hoàng	Nam	D20_DDT02	7,62	88	
39	DH32004825	Nguyễn Ngọc Thanh	Toàn	D20_DDT02	7,50	74	
40	DH32001061	Nguyễn Tuấn	Tài	D20_DDT01	7,41	71	
41	DH32007260	Nguyễn Quang	Việt	D20_DDT02	7,25	93	
42	DH32004598	Nguyễn Thị Kim	Lý	D20_DDT02	7,22	76	
43	DH32004450	Hoàng Trương Xuân	Huy	D20_DDT02	7,11	78	
44	DH32003229	Nguyễn Hoàng	Vũ	D20_DDT01	7,08	65	
45	DH32006366	Nguyễn Hoàng Minh	Hậu	D20_DDT02	7,02	65	
46	DH32112380	Nguyễn Thanh	Phú	D21_TDH01	8,63	68	
47	DH32101063	Võ Hoàng	Phát	D21_TDH01	7,46	68	
48	DH32112343	Nguyễn Tuấn	Kha	D21_DCN01	7,10	65	
49	DH32103508	Dương Phú	Quý	D21_TDH01	7,06	73	
50	DH32112379	Huỳnh Thanh	Phú	D21_DCN01	7,03	66	
51	DH32200192	Lê Minh	Nghị	D22_DDT02	7,88	77	
52	DH32200216	Trần Quốc	Thái	D22_DDT01	7,84	76	
53	DH32200141	Phan Ngọc	Đình	D22_DDT01	7,65	65	
54	DH32200223	Huỳnh Thị Minh	Thư	D22_DDT02	7,46	85	
55	DH32200224	Lê Văn	Thuận	D22_DDT01	7,41	77	
56	DH32200239	Phạm Anh	Tuấn	D22_DDT01	7,35	88	
57	DH32200169	Trương Quốc	Huy	D22_DDT01	7,22	67	
58	DH32200190	Phùng Lâm Tiến	Minh	D22_DDT02	7,21	75	
59	DH32200167	Nguyễn Quang	Huy	D22_DDT01	7,07	65	
60	DH32200142	Trần Hữu	Đức	D22_DDT02	7,01	68	
61	DH32301491	Trần Tấn	Phát	D23_DDT01	8,45	75	
62	DH32302222	Nguyễn Quốc	Tuấn	D23_DDT01	8,36	73	
63	DH32302538	Đặng Thành	Tâm	D23_DDT01	8,61	67	
64	DH32302435	Tsai Yuen	Pi	D23_DDT01	7,33	65	

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập năm học 2023-2024	Điểm TB ĐGRL năm học 2023-2024	Ghi chú
65	DH32300799	Nguyễn Thế Khang	D23_DDT01	7,22	69	
66	DH42006430	Trần Quốc Kiệt	D20_VT02	8,12	72	
67	DH42002288	Lê Kim Quý	D20_VT01	8,22	69	
68	DH42003523	Trần Hoàng Ân	D20_VT01	7,24	67	
69	DH42114528	Nguyễn Quang Hòa	D21_MMT01	7,97	66	
70	DH42120047	Đặng Trần Lực	D21_MMT01	7,95	67	
71	DH42112480	Trần Công Tiến	D21_MMT01	7,33	74	
72	DH42200257	Nguyễn Đức Duy	D22_VT01	8,44	73	
73	DH42200264	Vũ Phi Hùng	D22_VT01	7,40	70	
74	DH42200261	Nguyễn Văn Hải	D22_VT01	7,24	80	
75	DH42200273	Nguyễn Huỳnh Đăng Khoa	D22_VT01	7,20	73	
76	DH42302596	Trần Hùng Đạt	D23_VT01	8,04	66	
77	DH42300386	Đoàn Tiến Đạt	D23_VT01	7,82	68	
78	DH42301799	Bùi Xuân Thành	D23_VT01	7,02	66	
79	DH52006075	Nguyễn Văn Sinh	D20_TH08	8,04	79	
80	DH52007011	Thạch Ngọc Gia Huy	D20_TH11	8,86	77	
81	DH52001349	Lê Hoàng Quốc	D20_TH01	8,79	76	
82	DH52000937	Châu Tấn Tài	D20_TH01	8,41	76	
83	DH52006707	Lê Thanh Tuấn	D20_TH11	8,13	76	
84	DH52006097	Văn Bảo Tâm	D20_TH09	8,76	73	
85	DH52001339	Dương Lê Thành Danh	D20_TH03	8,10	73	
86	DH52000880	Mai Nhật Hào	D20_TH01	8,42	70	
87	DH52004523	Trần Trung Tiến	D20_TH07	8,78	69	
88	DH52000029	Nguyễn Văn Bảo	D20_TH01	8,61	68	
89	DH52007310	Lê Đình Bảo Trân	D20_TH10	8,16	66	
90	DH52000828	Nguyễn Văn Quang	D20_TH01	7,99	83	
91	DH52006058	Dương Trung Quốc	D20_TH09	7,98	73	
92	DH52003201	Ngô Hoài An	D20_TH03	7,91	73	
93	DH52001107	Đặng Phạm Gia Hưng	D20_TH03	7,87	78	
94	DH52005738	Hồ Khánh Dương	D20_TH09	7,87	74	
95	DH52005956	Hoàng Hải Nam	D20_TH10	7,86	67	
96	DH52006892	Hoàng Khắc Giáp	D20_TH11	7,84	65	
97	DH52006061	Trương Hoàng Quốc	D20_TH08	7,81	70	
98	DH52001793	Trần Văn Sĩ	D20_TH03	7,79	65	
99	DH52004983	Nguyễn Minh Hiếu	D20_TH09	7,76	73	
100	DH52007049	Nguyễn Hòa Ninh Đan	D20_TH11	7,73	76	
101	DH52003194	Ngô Hoài Thịnh	D20_TH03	7,72	76	
102	DH52006177	Nguyễn Khắc Thế	D20_TH10	7,71	73	
103	DH52006712	Nguyễn Viết Tuấn	D20_TH11	7,71	79	
104	DH52004456	Phạm Văn Trường	D20_TH07	7,70	67	
105	DH52006168	Hồ Việt Thắng	D20_TH10	7,67	66	
106	DH52007101	Trần Văn Quốc Thắng	D20_TH11	7,67	72	
107	DH52006111	Phan Đức Tiến	D20_TH09	7,65	68	
108	DH52007012	Nguyễn Võ Tiến	D20_TH11	7,65	74	
109	DH52003844	Trần Đình Khôi	D20_TH03	7,64	70	
110	DH52006245	Nguyễn Đình Việt	D20_TH10	7,52	71	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập năm học 2023-2024	Điểm TB ĐGRL năm học 2023-2024	Ghi chú
111	DH52001092	Bùi Ngọc	Na	D20_TH03	7,51	67	
112	DH52001833	Nguyễn Phúc	Hoàng	D20_TH04	7,51	73	
113	DH52003760	Phan Thị Thu	Thảo	D20_TH05	7,51	86	
114	DH52003933	Phạm Thị Thùy	Trang	D20_TH05	7,48	90	
115	DH52004277	Phạm Tuấn	Kiệt	D20_TH06	7,47	68	
116	DH52007074	Phan Hiếu	Lâm	D20_TH11	7,45	65	
117	DH52005810	Nguyễn Phi	Hiếu	D20_TH09	7,37	73	
118	DH52006825	Vũ Thị Phương	Thanh	D20_TH11	7,34	70	
119	DH52000482	Ngô Thái	Dương	D20_TH01	7,33	82	
120	DH52006213	Đặng Ngọc Bảo	Trần	D20_TH09	7,31	65	
121	DH52004387	Trịnh Minh	Thuận	D20_TH06	7,27	73	
122	DH52006605	Phan Phúc	Tân	D20_TH11	7,26	73	
123	DH52004368	Nguyễn Nhật	Hào	D20_TH07	7,17	65	
124	DH52006116	Vũ Minh	Tiến	D20_TH09	7,17	65	
125	DH52000012	Bùi Thị Vân	Anh	D20_TH01	7,14	78	
126	DH52004334	Lê Văn	Thái	D20_TH06	7,13	76	
127	DH52006042	Lê	Quang	D20_TH08	7,09	66	
128	DH52006741	Lại Văn	Toàn	D20_TH11	7,07	69	
129	DH52002064	Nguyễn Hoài	Phong	D20_TH02	7,03	79	
130	DH52004395	Nguyễn Hoàng	Nghĩa	D20_TH07	7,02	72	
131	DH52106994	Nguyễn Phạm Đăng	Khoa	D21_TH03	8,53	79	
132	DH52102882	Bùi Thanh	Hậu	D21_TH03	8,58	78	
133	DH52107825	Nguyễn Huỳnh	Đức	D21_TH04	8,07	77	
134	DH52102716	Thái Tín	Khang	D21_TH01	8,66	76	
135	DH52103871	Phạm Minh	Trị	D21_TH03	8,46	75	
136	DH52108750	Phan Thế	Quang	D21_TH07	8,25	73	
137	DH52100133	Trần Đình	Thái	D21_TH03	8,04	73	
138	DH52111147	Trần Hoàng Đăng	Khoa	D21_TH10	8,15	73	
139	DH52100405	Nguyễn Mai Minh	Duy	D21_TH06	8,68	71	
140	DH52108549	Đặng Thành	Hải	D21_TH06	8,67	69	
141	DH52111563	Nguyễn Trọng	Phụng	D21_TH10	8,25	69	
142	DH52112869	Nguyễn Thị Tường	Vy	D21_TH12	7,97	86	
143	DH52112910	Tăng Tiến	Luân	D21_TH06	7,93	69	
144	DH52110848	Vũ Thị Hương	Giang	D21_TH11	7,93	85	
145	DH52110995	Đỗ Quang	Huy	D21_TH09	7,92	66	
146	DH52111659	Trần Thanh	Sang	D21_TH09	7,91	81	
147	DH52108772	Lê Trung	Thịnh	D21_TH06	7,89	69	
148	DH52111357	Đặng Minh	Nghĩa	D21_TH09	7,87	76	
149	DH52101039	Trần Quý	Kiệt	D21_TH03	7,86	72	
150	DH52110742	Nguyễn Quốc	Đại	D21_TH14	7,83	69	
151	DH52112120	Trần Đức	Vượng	D21_TH11	7,78	79	
152	DH52111033	Nguyễn Thành	Huy	D21_TH07	7,76	72	
153	DH52101199	Lê Nguyễn Thanh	Bình	D21_TH04	7,73	66	
154	DH52113550	Nguyễn Văn	Toàn	D21_TH12	7,71	80	
155	DH52100465	Nguyễn Ngọc	Minh	D21_TH02	7,70	72	
156	DH52111695	Nguyễn Văn	Tài	D21_TH13	7,68	68	

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập năm học 2023-2024	Điểm TB ĐGRL năm học 2023-2024	Ghi chú
157	DH52103699	Nguyễn Minh Luân	D21_TH01	7,65	71	
158	DH52111716	Phan Nhật Tân	D21_TH10	7,60	72	
159	DH52100001	Nguyễn Văn Trường	D21_TH01	7,59	71	
160	DH52111603	Nguyễn Hoàng Anh Quân	D21_TH10	7,59	70	
161	DH52112124	Phạm Thị Khánh Vy	D21_TH11	7,59	81	
162	DH52111814	Nguyễn Trần Phúc Thịnh	D21_TH12	7,56	73	
163	DH52111968	Phạm Thành Trung	D21_TH13	7,56	67	
164	DH52110793	Trịnh Phát Đạt	D21_TH08	7,55	75	
165	DH52110694	Đình Ngọc Trần Duy	D21_TH06	7,52	76	
166	DH52110862	Trần Trung Hải	D21_TH07	7,52	68	
167	DH52111115	Mai Lâm Quang Khánh	D21_TH10	7,52	77	
168	DH52108640	Nguyễn Thanh Trường	D21_TH06	7,51	70	
169	DH52112108	Phan Thanh Vũ	D21_TH07	7,50	71	
170	DH52104938	Nguyễn Vũ Luân	D21_TH02	7,48	72	
171	DH52110816	Đặng Nguyễn Minh Đức	D21_TH06	7,48	66	
172	DH52111976	Nguyễn Minh Trường	D21_TH13	7,48	66	
173	DH52111167	Nguyễn Trung Kiên	D21_TH08	7,44	70	
174	DH52102050	Nguyễn Quốc Hào	D21_TH07	7,43	74	
175	DH52110757	Huỳnh Tấn Đạt	D21_TH11	7,42	69	
176	DH52107510	Võ Trung Kiên	D21_TH05	7,40	71	
177	DH52111509	Nguyễn Thành Tỷ Phú	D21_TH10	7,39	75	
178	DH52105753	Nguyễn Hồ Minh Hiến	D21_TH04	7,37	74	
179	DH52110800	Nguyễn Võ Hoàng Hải Đăng	D21_TH14	7,37	76	
180	DH52103404	Trần Hoàng Huy	D21_TH03	7,36	69	
181	DH52113469	Nguyễn Lê Đạt	D21_TH10	7,36	75	
182	DH52110860	Thái Doãn Minh Hải	D21_TH14	7,36	66	
183	DH52110839	Lê Thanh Giang	D21_TH06	7,35	67	
184	DH52111904	Nguyễn Minh Toàn	D21_TH12	7,35	70	
185	DH52112800	Đình Tuấn Huy	D21_TH14	7,34	76	
186	DH52110738	Trương Thái Dương	D21_TH08	7,31	77	
187	DH52111201	Phạm Quốc Lân	D21_TH11	7,30	79	
188	DH52111246	Võ Thanh Trường Long	D21_TH09	7,29	68	
189	DH52101870	Hứa Vinh Thắng	D21_TH02	7,26	66	
190	DH52102487	Nguyễn Thị Từ Vi	D21_TH03	7,24	82	
191	DH52110937	Nguyễn Thiện Hòa	D21_TH09	7,24	72	
192	DH52111737	Cao Tấn Thành	D21_TH10	7,21	65	
193	DH52112016	Trịnh Anh Tuấn	D21_TH14	7,21	72	
194	DH52111977	Nguyễn Quang Trường	D21_TH12	7,20	71	
195	DH52111923	Đỗ Minh Trí	D21_TH10	7,19	78	
196	DH52112077	Ngô Quốc Vinh	D21_TH13	7,19	75	
197	DH52113047	Phan Đức Thắng	D21_TH14	7,18	70	
198	DH52102758	Lê Thị Nguyên	D21_TH01	7,15	73	
199	DH52110534	Nguyễn Mậu An	D21_TH08	7,15	65	
200	DH52111957	Bùi Ngọc Quốc Trung	D21_TH10	7,15	71	
201	DH52110728	Huỳnh Quốc Dương	D21_TH11	7,15	67	
202	DH52111146	Phạm Nguyễn Anh Khoa	D21_TH09	7,12	68	

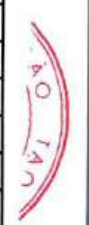
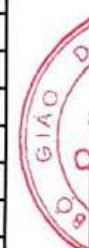
STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập năm học 2023-2024	Điểm TB ĐGRL năm học 2023-2024	Ghi chú
203	DH52111612	Trần Nguyễn Hoàng	Quân	D21_TH10	7,12	70	
204	DH52106310	Trương Thủ	Khoa	D21_TH03	7,10	71	
205	DH52106866	Trần Thanh	Bình	D21_TH06	7,10	69	
206	DH52113344	Lê Yên	Nhi	D21_TH11	7,09	73	
207	DH52110553	Mai Trần Duy	Anh	D21_TH13	7,09	71	
208	DH52108711	Đặng Gia	Bào	D21_TH06	7,08	68	
209	DH52100199	Nguyễn Minh	Tân	D21_TH07	7,08	82	
210	DH52110952	Đoàn Việt	Hoàng	D21_TH07	7,06	82	
211	DH52110671	Võ Thành	Danh	D21_TH08	7,06	81	
212	DH52108662	Huỳnh Huy	Hoàng	D21_TH06	7,02	65	
213	DH52100999	Phạm Mạnh	Tuấn	D21_TH03	7,01	72	
214	DH52111253	Nguyễn Tấn	Lộc	D21_TH08	7,01	67	
215	DH52111824	Đặng Trương Hoàng	Thọ	D21_TH12	7,01	79	
216	DH52110688	Triệu Quốc	Dũng	D21_TH11	7,00	72	
217	DH52201031	Triệu Kim	Long	D22_TH02	8,43	78	
218	DH52201181	Huỳnh Nguyễn Tấn	Phát	D22_TH02	8,07	78	
219	DH52200787	Nguyễn Quốc	Huy	D22_TH04	8,95	77	
220	DH52200581	Nguyễn Võ Anh	Duy	D22_TH15	8,03	77	
221	DH52201275	Khưu Ngọc Thanh	Phương	D22_TH03	8,68	77	
222	DH52200423	Lâm Dũ	Cường	D22_TH02	8,00	77	
223	DH52200357	Huỳnh Chí	Bào	D22_TH06	8,15	76	
224	DH52201067	Trương Ngọc	Minh	D22_TH08	8,26	75	
225	DH52201671	Nguyễn Thành	Trung	D22_TH13	8,02	75	
226	DH52200859	Nguyễn Phan Hữu	Khanh	D22_TH02	8,42	75	
227	DH52201164	Nguyễn Thị Hồng	Như	D22_TH06	8,16	75	
228	DH52200529	Bùi Hoàng Đức	Dũng	D22_TH03	8,48	74	
229	DH52201400	Nguyễn Minh	Tâm	D22_TH07	8,40	74	
230	DH52200775	Mè Thái	Huy	D22_TH13	8,28	74	
231	DH52201134	Đỗ Thành	Nhân	D22_TH08	8,53	74	
232	DH52200697	Ngô Thanh	Hòa	D22_TH05	8,01	74	
233	DH52201607	Đoàn Thị Huyền	Trang	D22_TH08	8,80	73	
234	DH52201548	Đông Hoàng	Tiến	D22_TH05	8,59	71	
235	DH52201173	Chong Tuấn	Phát	D22_TH08	8,49	71	
236	DH52201272	Đặng Quang	Phương	D22_TH13	8,28	71	
237	DH52201371	Nguyễn Hùng Thanh	Sơn	D22_TH09	8,12	71	
238	DH52200843	Nguyễn Lưu Bảo	Khang	D22_TH08	8,09	70	
239	DH52201443	Trương Minh	Thắng	D22_TH07	8,07	70	
240	DH52201487	Trần Chí	Thiện	D22_TH07	8,72	69	
241	DH52201749	Hoàng Quốc	Việt	D22_TH06	8,43	69	
242	DH52200876	Nguyễn Minh	Khánh	D22_TH04	8,25	68	
243	DH52200784	Nguyễn Phan Trường	Huy	D22_TH01	8,15	68	
244	DH52201783	Đỗ Ngọc Tường	Vy	D22_TH06	8,21	66	
245	DH52201398	Vương Thái	Tài	D22_TH09	8,20	65	
246	DH52201225	Võ Thiên	Phú	D22_TH08	8,09	65	
247	DH52201354	Dương Bá	Sang	D22_TH01	7,96	79	
248	DH52201498	Nguyễn Hồ Phúc	Thịnh	D22_TH06	7,96	68	

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập năm học 2023-2024	Điểm TB ĐGRL năm học 2023-2024	Ghi chú
249	DH52201211	Nguyễn Trần Nam	Phong	D22_TH11	7,96	67
250	DH52201549	Hồ Anh	Tiến	D22_TH08	7,93	70
251	DH52201572	Nguyễn Phúc Thiên	Tinh	D22_TH11	7,93	75
252	DH52201462	Nguyễn Trường	Thành	D22_TH06	7,92	66
253	DH52201366	Bùi Nguyễn	Sơn	D22_TH08	7,91	70
254	DH52201401	Nguyễn Văn	Tâm	D22_TH06	7,89	68
255	DH52201294	Nguyễn Mạnh	Quân	D22_TH08	7,89	69
256	DH52201707	Lê Dương Anh	Tuấn	D22_TH07	7,86	66
257	DH52200410	Đỗ Thành	Chung	D22_TH01	7,85	69
258	DH52200929	Nguyễn Hoàng	Khôi	D22_TH12	7,85	77
259	DH52201764	Phan Lực	Vinh	D22_TH07	7,84	65
260	DH52201277	Nguyễn Đình	Phương	D22_TH14	7,83	69
261	DH52201310	Nguyễn Vinh	Quang	D22_TH05	7,81	74
262	DH52200742	Phạm Huỳnh Thanh	Hưng	D22_TH08	7,81	68
263	DH52200332	Nguyễn Tuấn	Anh	D22_TH08	7,80	67
264	DH52201328	Hồ Phú	Quý	D22_TH10	7,80	71
265	DH52201454	Dương Nhật	Thành	D22_TH12	7,79	73
266	DH52200530	Đặng Tiến	Dũng	D22_TH15	7,79	74
267	DH52203917	Trang Mạnh	Phúc	D22_TH15	7,79	82
268	DH52200388	Đỗ Thanh	Bình	D22_TH04	7,78	67
269	DH52200473	Lê Văn	Đạt	D22_TH06	7,78	79
270	DH52200933	Phan Nguyễn An	Khương	D22_TH11	7,78	70
271	DH52200372	Nguyễn Trần Tuấn	Bảo	D22_TH11	7,77	67
272	DH52201126	Trần Trung	Nguyên	D22_TH08	7,75	65
273	DH52201543	Nguyễn Phi	Thương	D22_TH12	7,75	77
274	DH52201236	Lê Minh	Phúc	D22_TH06	7,74	69
275	DH52200565	Nguyễn Bảo	Duy	D22_TH12	7,73	72
276	DH52200627	Nguyễn Thúy	Hằng	D22_TH02	7,72	74
277	DH52200568	Nguyễn Khánh	Duy	D22_TH09	7,70	65
278	DH52201326	Trần ái	Quốc	D22_TH07	7,68	70
279	DH52200821	Huỳnh Đông	Kha	D22_TH02	7,67	73
280	DH52200593	Võ Hoàng	Duy	D22_TH06	7,67	79
281	DH52201291	Nguyễn Hồng Minh	Quân	D22_TH08	7,67	66
282	DH52200957	Trần Anh	Kiệt	D22_TH11	7,67	85
283	DH52200848	Phan Vỹ	Khang	D22_TH01	7,66	69
284	DH52200978	Phan Công	Lập	D22_TH09	7,66	72
285	DH52201786	Trần Thị Yên	Vy	D22_TH12	7,65	85
286	DH52200803	Trần Gia	Huy	D22_TH08	7,63	69
287	DH52200737	Nguyễn Hoàng	Hưng	D22_TH09	7,62	72
288	DH52201112	Đoàn Lê Hoàng	Nguyên	D22_TH10	7,62	81
289	DH52201267	Đỗ Hoàng	Phước	D22_TH07	7,60	82
290	DH52201283	Hà Hồng	Quân	D22_TH08	7,58	67
291	DH52201621	Lê Quốc	Trí	D22_TH14	7,58	76
292	DH52201348	Lê Thị Mỹ	Quỳnh	D22_TH08	7,57	77
293	DH52201527	Trần Thị Minh	Thư	D22_TH02	7,56	84
294	DH52200682	Nguyễn Khánh	Hiếu	D22_TH08	7,56	77

C  
HỆ  
IN

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập năm học 2023-2024	Điểm TB ĐGRL năm học 2023-2024	Ghi chú
295	DH52200960	Võ Gia Kiệt		D22_TH09	7,55	66	
296	DH52200562	Lê Trọng Duy		D22_TH01	7,52	71	
297	DH52201503	Nguyễn Phú Thịnh		D22_TH11	7,52	73	
298	DH52200647	Nguyễn Nhật Hạo		D22_TH10	7,51	72	
299	DH52201517	Võ Minh Thông		D22_TH13	7,51	69	
300	DH52201271	Trần Hữu Phước		D22_TH07	7,49	75	
301	DH52201258	Trần Thanh Hoài Phúc		D22_TH04	7,48	71	
302	DH52200548	Nguyễn Hoàng Dương		D22_TH13	7,48	69	
303	DH52200644	Trang Sĩ Anh Hào		D22_TH14	7,48	72	
304	DH52200695	Lê Lưu Trung Hòa		D22_TH04	7,47	78	
305	DH52200384	Trần Chánh Biện		D22_TH13	7,47	67	
306	DH52201330	Ngô Minh Quý		D22_TH08	7,46	70	
307	DH52201384	Nguyễn Đại Tài		D22_TH05	7,45	73	
308	DH52200640	Tô Nhật Hào		D22_TH07	7,42	66	
309	DH52200511	Phạm Hữu Đời		D22_TH11	7,42	68	
310	DH52201684	Nguyễn Xuân Trường		D22_TH11	7,41	68	
311	DH52201264	Hồ Khôi Phục		D22_TH15	7,41	74	
312	DH52201412	Trần Thanh Tân		D22_TH03	7,40	78	
313	DH52200620	Trần Đức Hải		D22_TH12	7,40	66	
314	DH52200666	Lâm Đức Hiệp		D22_TH11	7,39	70	
315	DH52200842	Nguyễn Hữu Khang		D22_TH13	7,39	70	
316	DH52201516	Nguyễn Minh Thông		D22_TH02	7,38	70	
317	DH52200662	Nguyễn Minh Hiền		D22_TH03	7,38	73	
318	DH52201248	Nguyễn Thanh Phúc		D22_TH04	7,38	80	
319	DH52200604	Nguyễn Bá Quỳnh Giao		D22_TH04	7,37	65	
320	DH52200344	Võ Phương Anh		D22_TH02	7,36	76	
321	DH52201066	Trịnh Nhật Minh		D22_TH03	7,36	74	
322	DH52200811	Võ Bùi Đình Huy		D22_TH04	7,36	65	
323	DH52201127	Trương Nhã Nguyên		D22_TH09	7,36	67	
324	DH52201154	Nguyễn Xuân Long Nhật		D22_TH10	7,36	69	
325	DH52201565	Bùi Tấn Tín		D22_TH09	7,35	69	
326	DH52201546	Đặng Thị Thùy		D22_TH12	7,35	72	
327	DH52201068	Vũ Thành Nhật Minh		D22_TH03	7,34	70	
328	DH52201768	Văn Đặng Phúc Vinh		D22_TH05	7,34	66	
329	DH52200667	Nguyễn Hoàng Hiệp		D22_TH10	7,34	74	
330	DH52201490	Võ Đình Thiệu		D22_TH01	7,33	80	
331	DH52201057	Lưu Thái Minh		D22_TH02	7,33	75	
332	DH52201413	Đặng Mạnh Tấn		D22_TH09	7,30	67	
333	DH52200715	Nguyễn Minh Hoàng		D22_TH14	7,30	71	
334	DH52200486	Nguyễn Tiến Đạt		D22_TH15	7,29	71	
335	DH52200383	Trần Ngọc Bích		D22_TH01	7,28	73	
336	DH52201278	Nguyễn Ngọc Minh Phương		D22_TH02	7,28	74	
337	DH52200329	Nguyễn Hoàng Mai Anh		D22_TH02	7,27	77	
338	DH52201397	Võ Văn Tài		D22_TH09	7,27	74	
339	DH52201581	Nguyễn Thị Kim Tỏa		D22_TH02	7,26	81	
340	DH52201160	Phạm Yên Nhi		D22_TH05	7,26	66	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập năm học 2023-2024	Điểm TB ĐGRL năm học 2023-2024	Ghi chú
341	DH52200826	Hồ Tuấn	Khải	D22_TH01	7,25	75	
342	DH52201569	Nguyễn Trọng	Tín	D22_TH03	7,24	65	
343	DH52201438	Nguyễn Quang	Thắng	D22_TH09	7,24	74	
344	DH52201470	Võ Thị Xuân	Thao	D22_TH09	7,23	79	
345	DH52200580	Nguyễn Việt	Duy	D22_TH10	7,23	89	
346	DH52200740	Nguyễn Tấn	Hưng	D22_TH11	7,23	68	
347	DH52201255	Trần Hoài	Phúc	D22_TH12	7,23	74	
348	DH52201476	Trần Văn	Thật	D22_TH12	7,23	69	
349	DH52201096	Lý Hậu	Nghĩa	D22_TH07	7,22	75	
350	DH52201204	Đỗ Thanh	Phong	D22_TH10	7,22	66	
351	DH52201536	Nguyễn Văn	Thuận	D22_TH06	7,21	65	
352	DH52200988	Phan Vũ	Linh	D22_TH07	7,21	74	
353	DH52201699	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	D22_TH03	7,20	78	
354	DH52201450	Nguyễn Văn	Thanh	D22_TH05	7,20	67	
355	DH52200975	Hoàng Đặng Diệp	Lân	D22_TH02	7,19	75	
356	DH52201488	Trần Quang	Thiện	D22_TH09	7,18	71	
357	DH52201584	Đặng Bảo	Toàn	D22_TH06	7,17	66	
358	DH52201259	Trần Trọng	Phúc	D22_TH07	7,17	71	
359	DH52201683	Nguyễn Văn	Trường	D22_TH10	7,17	81	
360	DH52201544	Nguyễn Văn	Thường	D22_TH01	7,16	72	
361	DH52200311	Phan Nguyễn Hoài	An	D22_TH04	7,16	71	
362	DH52200700	Nguyễn Thanh	Hoài	D22_TH04	7,16	83	
363	DH52200733	Tổng Thới Duy	Hùng	D22_TH04	7,14	71	
364	DH52201408	Hà Võ Thanh	Tân	D22_TH13	7,14	90	
365	DH52200938	Lê Trung	Kiên	D22_TH05	7,13	72	
366	DH52201051	Dương Ngọc Hùng	Minh	D22_TH04	7,12	68	
367	DH52201078	Nguyễn An	Nam	D22_TH05	7,12	70	
368	DH52200736	Nguyễn Bùi Phúc	Hưng	D22_TH08	7,12	69	
369	DH52200442	Nguyễn Khánh	Đăng	D22_TH11	7,11	66	
370	DH52200770	Lê Quang	Huy	D22_TH04	7,10	78	
371	DH52201610	Lương Thị Huyền	Trang	D22_TH02	7,08	90	
372	DH52200319	Bùi Mai Trâm	Anh	D22_TH03	7,08	74	
373	DH52201770	Huỳnh Anh	Vũ	D22_TH14	7,07	69	
374	DH52201183	Lai Thuận	Phát	D22_TH02	7,05	66	
375	DH52200499	Trần Tuấn	Đạt	D22_TH03	7,05	73	
376	DH52201108	Lò Bảo	Ngọc	D22_TH12	7,05	66	
377	DH52200347	Nguyễn Hoàng Thiên	Bách	D22_TH04	7,04	65	
378	DH52200599	Lương Thị Mỹ	Giang	D22_TH14	7,04	76	
379	DH52200754	Dương Thị Hồng	Hương	D22_TH05	7,03	65	
380	DH52201743	Nguyễn Thị Hoàng	Uyên	D22_TH09	7,03	66	
381	DH52200813	Võ Thanh	Huy	D22_TH13	7,03	69	
382	DH52201392	Phạm Hữu	Tài	D22_TH03	7,02	74	
383	DH52201081	Nguyễn Văn	Nam	D22_TH02	7,01	67	
384	DH52201659	Phan Thanh	Trọng	D22_TH03	7,00	67	
385	DH52200434	Phan Trọng	Đại	D22_TH05	7,00	72	
386	DH52201105	Đinh Dương Yến	Ngọc	D22_TH15	7,00	71	



STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập năm học 2023-2024	Điểm TB ĐGRL năm học 2023-2024	Ghi chú
387	DH52301184	Phan Ngọc	My	D23_TH09	8,94	79	
388	DH52300482	Trần Anh	Hào	D23_TH01	8,88	79	
389	DH52301571	Nguyễn Thanh	Phước	D23_TH03	8,77	78	
390	DH52301354	Huỳnh Lê Trọng	Nhân	D23_TH03	8,02	77	
391	DH52302338	Ngô Đức	Vương	D23_TH11	8,00	77	
392	DH52301865	Vũ Đức	Thắng	D23_TH01	8,65	76	
393	DH52301610	Trương Minh	Quang	D23_TH03	8,06	76	
394	DH52300334	Lê Xuân	Đào	D23_TH12	8,82	75	
395	DH52300211	Nguyễn Văn Hoàng	Cung	D23_TH13	8,68	75	
396	DH52300884	Nguyễn Minh	Khoa	D23_TH11	8,04	75	
397	DH52301820	Nguyễn Xuân	Thành	D23_TH11	8,20	74	
398	DH52301355	Lê Thành	Nhân	D23_TH05	8,65	74	
399	DH52302390	Nguyễn Văn	Pháp	D23_TH01	8,29	74	
400	DH52300544	Huỳnh Trung	Hiếu	D23_TH03	9,07	73	
401	DH52302117	Phạm Minh	Triết	D23_TH03	8,24	73	
402	DH52301149	Nguyễn Tuấn	Minh	D23_TH06	8,09	73	
403	DH52301637	Nguyễn Hữu	Quốc	D23_TH07	8,61	73	
404	DH52301555	Nguyễn Trọng	Phúc	D23_TH09	8,22	73	
405	DH52302325	Lê Mạnh	Vũ	D23_TH11	8,03	73	
406	DH52301910	Lại Minh	Thông	D23_TH04	8,58	72	
407	DH52301279	Trần Thị Thủy	Ngọc	D23_TH02	8,15	71	
408	DH52300430	Phạm Đức	Đạt	D23_TH06	8,00	71	
409	DH52300471	Huỳnh Nhật Anh	Hào	D23_TH03	8,36	71	
410	DH52302181	Vũ Phạm Minh	Trường	D23_TH07	8,36	71	
411	DH52302344	Lê Triệu Thảo	Vy	D23_TH03	8,52	70	
412	DH52300808	Trần Minh	Khang	D23_TH08	8,16	70	
413	DH52301239	Lương Nguyễn Kim	Ngân	D23_TH09	8,50	70	
414	DH52301000	Đỗ Thành	Lộc	D23_TH10	8,31	70	
415	DH52300999	Dương Tấn	Lộc	D23_TH09	8,06	70	
416	DH52301848	Nguyễn Nhật	Thiện	D23_TH04	9,03	69	
417	DH52301901	Trần Ngọc Thu	Thảo	D23_TH03	8,32	69	
418	DH52301049	Phan Văn Hoài	Linh	D23_TH04	8,65	69	
419	DH52301303	Đỗ Khôi	Nguyên	D23_TH04	8,16	69	
420	DH52300440	Hỷ Ngọc	Đường	D23_TH06	8,32	68	
421	DH52300077	Tổng Thế	Anh	D23_TH04	8,07	68	
422	DH52301870	Hồ Khánh	Thịnh	D23_TH03	8,47	68	
423	DH52203932	Phan Ngọc Tuấn	Hải	D23_TH01	8,41	68	
424	DH52301551	Nguyễn Hoàng	Phúc	D23_TH03	8,56	67	
425	DH52302430	Nguyễn Hữu	Bảo	D23_TH10	8,14	67	
426	DH52300153	Nguyễn Gia	Bảo	D23_TH12	8,04	67	
427	DH52300836	Nguyễn Minh Duy	Khánh	D23_TH07	8,75	67	
428	DH52302176	Trần Quang	Trường	D23_TH12	8,56	67	
429	DH52300879	Nguyễn Đăng	Khoa	D23_TH13	8,41	66	
430	DH52300446	Phan Trường	Giang	D23_TH06	8,08	66	
431	DH52300225	Đỗ Cẩm	Danh	D23_TH04	8,06	66	
432	DH52301573	Phạm Bá	Phước	D23_TH10	8,01	66	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập năm học 2023-2024	Điểm TB ĐGRL năm học 2023-2024	Ghi chú
433	DH52302175	Phạm Đan	Trường	D23_TH08	8,29	65	
434	DH52301200	Nguyễn Hoàng	Nam	D23_TH04	7,99	80	
435	DH52301363	Nguyễn Trí	Nhân	D23_TH07	7,99	69	
436	DH52301692	Lê Quang	Sang	D23_TH01	7,97	71	
437	DH52300106	Nguyễn Đại Thiên	Ân	D23_TH03	7,95	76	
438	DH52302339	Trịnh Ngọc Quốc	Vương	D23_TH05	7,95	69	
439	DH52300329	Võ Thái	Dương	D23_TH09	7,94	77	
440	DH52301866	Nguyễn Tấn	Thông	D23_TH01	7,93	68	
441	DH52300063	Nguyễn Thái	Anh	D23_TH06	7,92	67	
442	DH52300975	Nguyễn Thị Mộng	Kiều	D23_TH08	7,92	68	
443	DH52300717	Trần Ngọc	Huy	D23_TH02	7,90	76	
444	DH52302761	Nguyễn Phát	Đạt	D23_TH14	7,90	66	
445	DH52300872	Huỳnh Đăng	Khoa	D23_TH10	7,89	70	
446	DH52301559	Thiều Thị Hồng	Phúc	D23_TH08	7,87	67	
447	DH52300258	Nguyễn Anh	Dũng	D23_TH04	7,86	69	
448	DH52300451	Huỳnh Huệ Minh	Giàu	D23_TH08	7,86	69	
449	DH52300009	Lê Trung	An	D23_TH01	7,85	72	
450	DH52301079	Nguyễn Ngọc Thế	Long	D23_TH01	7,84	66	
451	DH52301842	Trần Thiên	Thời	D23_TH03	7,83	70	
452	DH52302164	Hoàng Minh	Trường	D23_TH03	7,81	65	
453	DH52301218	Võ Lê Phương	Nam	D23_TH11	7,80	77	
454	DH52301211	Nhữ Nguyễn Thanh	Nam	D23_TH01	7,79	73	
455	DH52301512	Nguyễn Lê Nhật	Phong	D23_TH04	7,79	70	
456	DH52302229	Trần Mạnh	Tuấn	D23_TH07	7,79	69	
457	DH52301271	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	D23_TH11	7,79	86	
458	DH52301513	Nguyễn Mạnh	Phong	D23_TH11	7,77	68	
459	DH52300771	Huỳnh Nam	Kha	D23_TH13	7,77	65	
460	DH52300291	Nguyễn Quốc	Duy	D23_TH05	7,76	71	
461	DH52300401	Ngô Thành	Đạt	D23_TH06	7,76	73	
462	DH52300614	Võ Đặng Văn	Hoàng	D23_TH07	7,75	75	
463	DH52300151	Ngô Lưu Gia	Bảo	D23_TH10	7,75	70	
464	DH52301846	Nguyễn Hữu	Thiện	D23_TH01	7,74	71	
465	DH52303068	Tô Hồng	Phúc	D23_TH14	7,73	65	
466	DH52302333	Phạm Phi	Vũ	D23_TH07	7,72	68	
467	DH52300511	Lý Văn	Hải	D23_TH13	7,69	89	
468	DH52301867	Nguyễn Văn	Thông	D23_TH05	7,68	70	
469	DH52302155	Trương Đặng Minh	Trung	D23_TH12	7,66	65	
470	DH52302334	Trần Hà Anh	Vũ	D23_TH02	7,63	68	
471	DH52300979	Đoàn Nhật	Lam	D23_TH11	7,62	67	
472	DH52302113	Mai Khánh	Trình	D23_TH14	7,59	67	
473	DH52301350	Lê Thanh	Nhàn	D23_TH05	7,58	68	
474	DH52302863	Nguyễn Thành	Công	D23_TH12	7,58	65	
475	DH52300698	Nguyễn Quang	Huy	D23_TH12	7,58	68	
476	DH52301110	Nguyễn Thị Khánh	Ly	D23_TH04	7,57	79	
477	DH52300625	Vũ Hoài	Hậu	D23_TH02	7,54	71	
478	DH52300096	Võ Thanh Thái	Anh	D23_TH08	7,54	69	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập năm học 2023-2024	Điểm TB ĐGRL năm học 2023-2024	Ghi chú
479	DH52302017	Bùi Trung	Tính	D23_TH07	7,53	81	
480	DH52300262	Nguyễn Tuấn	Dũng	D23_TH02	7,51	72	
481	DH52301362	Nguyễn Trí	Nhân	D23_TH01	7,48	68	
482	DH52301788	Tô Thành	Thái	D23_TH04	7,48	70	
483	DH52301317	Nguyễn Hoàng Nhựt	Nguyên	D23_TH11	7,47	66	
484	DH52301754	Huỳnh Minh	Tâm	D23_TH04	7,46	75	
485	DH52300588	Huỳnh Sơn	Hoài	D23_TH03	7,44	70	
486	DH52300423	Nguyễn Trọng	Đạt	D23_TH04	7,42	72	
487	DH52300429	Phạm Đỗ Tiến	Đạt	D23_TH11	7,42	66	
488	DH52302426	Hứa Lập	Nhân	D23_TH10	7,40	72	
489	DH52300186	Đặng Văn	Châu	D23_TH07	7,39	76	
490	DH52302579	Nguyễn Quang	Chi	D23_TH11	7,38	69	
491	DH52300516	Nguyễn Thanh	Hải	D23_TH04	7,37	66	
492	DH52300219	Nguyễn Huy	Cường	D23_TH09	7,37	65	
493	DH52301741	Nguyễn Việt	Tài	D23_TH11	7,31	67	
494	DH52301081	Nguyễn Thành	Long	D23_TH03	7,29	66	
495	DH52301787	Phạm Hồng	Thái	D23_TH05	7,29	75	
496	DH52301404	Trần Thị Yên	Nhi	D23_TH06	7,29	71	
497	DH52300379	Lê Phương	Đông	D23_TH03	7,26	67	
498	DH52300393	Lê Thanh	Đạt	D23_TH02	7,25	69	
499	DH52301026	Nguyễn Thanh	Lin	D23_TH04	7,24	65	
500	DH52302547	Nguyễn Thanh	Huy	D23_TH12	7,22	69	
501	DH52300679	Lý Đức	Huy	D23_TH04	7,21	66	
502	DH52300025	Bùi Thế	Anh	D23_TH06	7,21	65	
503	DH52301285	Văn Ngọc Gia	Nghi	D23_TH11	7,21	86	
504	DH52301131	Đỗ Hoàng	Minh	D23_TH02	7,20	69	
505	DH52300653	Dương Thành	Huy	D23_TH06	7,20	66	
506	DH52301667	Trần Văn	Quý	D23_TH08	7,20	67	
507	DH52300213	Huỳnh Quốc	Cường	D23_TH12	7,19	65	
508	DH52301759	Trần Thanh	Tâm	D23_TH04	7,18	73	
509	DH52301321	Nguyễn Sỹ	Nguyên	D23_TH09	7,18	66	
510	DH52301751	Đặng Thành	Tâm	D23_TH02	7,16	66	
511	DH52302072	Lương Thị Huyền	Trần	D23_TH05	7,16	72	
512	DH52300071	Phan Lưu Kim	Anh	D23_TH10	7,16	73	
513	DH52302277	Trần Phúc	Văn	D23_TH12	7,16	65	
514	DH52300572	Nguyễn Đức	Hào	D23_TH05	7,14	67	
515	DH52300892	Trần Đăng	Khoa	D23_TH01	7,12	72	
516	DH52301543	Lê Minh	Phúc	D23_TH08	7,11	67	
517	DH52300994	Nguyễn Quang	Lâm	D23_TH08	7,10	73	
518	DH52300851	Nguyễn Đình	Khải	D23_TH08	7,08	76	
519	DH52301898	Phạm Bạch Thiên	Thảo	D23_TH06	7,07	88	
520	DH52300671	Lê Phước	Huy	D23_TH04	7,03	66	
521	DH52301086	Nguyễn Võ Hoàng	Long	D23_TH08	7,03	66	
522	DH52301422	Trần Quang	Nhật	D23_TH03	7,02	66	
523	DH52300029	Cao Tuấn	Anh	D23_TH05	7,01	66	
524	DH62002267	Phan Thị Phương	Dung	D20_TP01	8,30	75	

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập năm học 2023-2024	Điểm TB ĐGRL năm học 2023-2024	Ghi chú
525	DH62007220	Trương Huỳnh Thanh Phước An	D20_TP02	8,12	73	
526	DH62003316	Huỳnh Thị Lê	D20_TP01	8,32	72	
527	DH62007265	Bùi Phi Yến	D20_TP02	7,97	83	
528	DH62003273	Nguyễn Thị Kim Tuyền	D20_TP01	7,93	75	
529	DH62006496	Võ Thị Kim Thanh	D20_TP02	7,92	77	
530	DH62006441	Trần Thị Mộng Cẩm	D20_TP02	7,80	78	
531	DH62001530	Nguyễn Thị Thanh Tâm	D20_TP01	7,71	67	
532	DH62003504	Đinh Ngọc Khánh Băng	D20_TP01	7,69	72	
533	DH62006505	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	D20_TP02	7,68	71	
534	DH62006493	Nguyễn Trung Tín	D20_TP02	7,67	68	
535	DH62001081	Trần Uyên Nhi	D20_TP01	7,61	72	
536	DH62006450	Phạm Quốc Đạt	D20_TP02	7,60	71	
537	DH62006455	Dương Đình Quốc Huy	D20_TP02	7,54	66	
538	DH62002240	Nguyễn Quan Minh Hiếu	D20_TP01	7,52	75	
539	DH62007013	Nguyễn Văn Khoa	D20_TP02	7,50	65	
540	DH62000724	Lê Thị Quế Trân	D20_TP01	7,36	75	
541	DH62006642	Nguyễn Thị Kim Ngân	D20_TP02	7,36	67	
542	DH62003916	Dương Trung Tính	D20_TP01	7,29	72	
543	DH62001968	Võ Cao Hoàng Giang	D20_TP01	7,19	70	
544	DH62004798	Nguyễn Kim Ngân	D20_TP02	7,02	65	
545	DH62112875	Đinh Ngọc Quý Ân	D21_CNTP01	8,81	71	
546	DH62112554	Nguyễn Thị Như Ngọc	D21_CNTP01	8,17	66	
547	DH62108791	Lê Công Lập	D21_CNTP01	7,86	70	
548	DH62104781	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	D21_CNTP01	7,69	71	
549	DH62112522	Lê Thụy Minh Hương	D21_CNTP01	7,54	78	
550	DH62105062	Lê Đặng Phương Thảo	D21_CNTP01	7,38	66	
551	DH62112498	Văn Nhất Bảo Châu	D21_CNTP01	7,35	70	
552	DH62201840	Bùi Nhã Minh	D22_TP01	8,08	72	
553	DH62201893	Nguyễn Hoàng Tú Uyên	D22_TP02	7,47	71	
554	DH62201816	Dương Bích Hạ	D22_TP02	7,46	72	
555	DH62201887	Nguyễn Hoàng Trí	D22_TP02	7,43	78	
556	DH62201903	Trần Bảo Vy	D22_TP02	7,09	73	
557	DH62301797	Trương Vĩnh Thanh	D23_TP01	8,54	78	
558	DH62302053	Tạ Yên Trang	D23_TP01	7,93	86	
559	DH62300196	Nguyễn Minh Chiến	D23_TP01	7,82	66	
560	DH62301904	Võ Ngọc Thanh Thảo	D23_TP01	7,60	66	
561	DH62300944	Dương Tuấn Kiệt	D23_TP01	7,54	65	
562	DH62301913	Trần Đức Thông	D23_TP01	7,32	73	
563	DH62301529	Phạm Tấn Phú	D23_TP01	7,19	69	
564	DH62301130	Diệp Ngọc Gia Minh	D23_TP01	7,05	71	
565	DH62301221	Đỗ Nguyễn Hồng Nga	D23_TP01	7,04	71	
566	DH72005460	Hứa Thị Thanh Phương	D20_KD02	8,32	79	
567	DH72000113	Nguyễn Anh Đạt	D20_TC01	8,52	78	
568	DH72005630	Phạm Nguyễn Ngọc Vân	D20_TC03	8,35	78	
569	DH72005598	Phạm Như Trí	D20_MAR04	8,13	78	
570	DH72005312	Mai Hữu Khanh	D20_MAR04	8,05	78	

UC  
AI  
IG  
AI

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập năm học 2023-2024	Điểm TB ĐGRL năm học 2023-2024	Ghi chú
571	DH72001350	Lê Thị Ngọc	Hiếu	D20_KD01	8,35	77	
572	DH72001217	Huỳnh Ngô Mai	Phương	D20_MAR03	8,17	77	
573	DH72004129	Trần Thái	Thanh	D20_TC02	8,15	76	
574	DH72007314	Bùi Thịnh	Vy	D20_TC03	8,43	75	
575	DH72006870	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	D20_TC03	8,17	75	
576	DH72005488	Đoàn Thu	Sương	D20_TC03	8,13	75	
577	DH72004208	Nguyễn Hữu	Lợi	D20_MAR03	8,03	75	
578	DH72002993	Trần Thị Thảo	Ngân	D20_KD01	8,11	74	
579	DH72005062	Phạm Thị Kim	Ngân	D20_TC02	8,68	73	
580	DH72005555	Lê Phú	Thịnh	D20_TC03	8,33	71	
581	DH72006617	Mai Huỳnh Thanh	Thảo	D20_TC02	8,14	71	
582	DH72006955	Lê Thị Hồng	Trang	D20_TC02	8,13	71	
583	DH72005369	Lê Thị Kim	Mỹ	D20_MAR05	8,06	71	
584	DH72005470	Phan Đặng Hoàng	Quốc	D20_TC01	8,09	67	
585	DH72003300	Nguyễn Thị Mai	Phương	D20_MAR02	7,99	78	
586	DH72004734	Nguyễn Trọng	Long	D20_TC03	7,99	75	
587	DH72005421	Lê Ngọc Tuyết	Nhi	D20_TC03	7,99	75	
588	DH72006595	Đỗ Thị Cẩm	Tiên	D20_MAR05	7,98	71	
589	DH72007043	Nguyễn Phạm Phương	Thảo	D20_TC02	7,98	71	
590	DH72002890	Đặng Thị	Huế	D20_MAR02	7,97	78	
591	DH72006633	Nguyễn Minh	Tuấn	D20_TC02	7,97	74	
592	DH72005546	Nguyễn Đức	Thắng	D20_TC03	7,97	78	
593	DH72007036	Đặng Thị Kim	Ngân	D20_MAR05	7,95	73	
594	DH72002148	Nguyễn Thị Thùy	Duyên	D20_MAR02	7,94	85	
595	DH72006587	Trần Duy	Đức	D20_MAR05	7,92	71	
596	DH72005657	Trần Thị Mỹ	Xuyên	D20_TC02	7,92	70	
597	DH72004908	Nguyễn Thị Tuyết	Sương	D20_TC03	7,92	78	
598	DH72006818	Nguyễn Thị Vân	Anh	D20_MAR05	7,91	74	
599	DH72005473	Lê Nguyễn Phương	Quyên	D20_TC03	7,90	95	
600	DH72002425	Võ Phạm Ngọc	Trâm	D20_KD01	7,88	71	
601	DH72002914	Hoàng Thị Ngọc	Trâm	D20_TC01	7,85	79	
602	DH72003292	Lê Thị Bảo	Ngọc	D20_KD01	7,84	78	
603	DH72005191	Nguyễn Thị Kim	Bình	D20_MAR04	7,84	72	
604	DH72007271	Đặng Thị Thu	Mai	D20_MAR05	7,84	71	
605	DH72005465	Trần Nguyễn Như	Phương	D20_TC03	7,82	78	
606	DH72002128	Bừ Lê Kim	Ngân	D20_KD01	7,80	79	
607	DH72001801	Nguyễn Tấn	Ninh	D20_KD01	7,80	76	
608	DH72006915	Lương Đặng Quỳnh	Hương	D20_MAR05	7,79	75	
609	DH72006903	Đặng Ngọc Minh	Đức	D20_MAR05	7,78	92	
610	DH72001262	Phạm Bích	Ngọc	D20_TC01	7,78	70	
611	DH72005544	Nguyễn Kim Phương	Thảo	D20_TC02	7,77	73	
612	DH72005588	Trần Thị Kiều	Trâm	D20_TC02	7,77	71	
613	DH72006875	Nguyễn Thị Ngọc	Ngân	D20_KD02	7,75	81	
614	DH72003577	Nguyễn Thị ánh	Duy	D20_MAR02	7,75	73	
615	DH72001128	Đỗ Tấn	Phát	D20_MAR02	7,74	73	
616	DH72005429	Nguyễn Thị Mỹ	Nhung	D20_MAR04	7,74	72	

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập năm học 2023-2024	Điểm TB ĐGRL năm học 2023-2024	Ghi chú
617	DH72003575	Phạm Thành	Trung	D20_MAR02	7,73	95
618	DH72006600	Bùi Phi Thiện	Tuân	D20_TC03	7,72	78
619	DH72002665	Trần Tấn	Phi	D20_MAR03	7,71	67
620	DH72005368	Lê Hoàng	Mỹ	D20_KD02	7,70	86
621	DH72000261	Võ Thị Ngọc	Linh	D20_MAR02	7,70	72
622	DH72001130	Lê Trần Hồng	Như	D20_KD01	7,69	81
623	DH72004580	Nguyễn Thị Ngọc	Liên	D20_MAR01	7,69	80
624	DH72007063	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	D20_MAR05	7,69	76
625	DH72002186	Phạm Đặng Như	ý	D20_KD01	7,67	73
626	DH72006934	Nguyễn Hoài	Ly	D20_TC02	7,67	70
627	DH72005224	Phạm Thị Thúy	Dương	D20_TC03	7,67	75
628	DH72005625	Ngô Gia	Văn	D20_TC03	7,67	70
629	DH72007187	Đào Ngọc Thảo	Lan	D20_KD02	7,66	67
630	DH72003904	Nguyễn Thị Gia	Huệ	D20_MAR02	7,66	72
631	DH72006909	Hoàng Thị Thanh	Loan	D20_MAR05	7,66	77
632	DH72005337	Trương Thị Phương	Linh	D20_MAR01	7,65	71
633	DH72006745	Đoàn Thị Thúy	Ngân	D20_MAR05	7,65	71
634	DH72006602	Huỳnh Trung	Nghĩa	D20_TC02	7,65	72
635	DH72002260	Lê Thị Yên	Quỳnh	D20_MAR03	7,64	79
636	DH72007317	Thái Duy	Phú	D20_MAR05	7,64	70
637	DH72007038	Bùi Tú	Quyên	D20_TC03	7,63	65
638	DH72007304	Nguyễn An	Khang	D20_MAR05	7,62	70
639	DH72005411	Trần Phương	Nguyên	D20_TC03	7,62	90
640	DH72005573	Nguyễn Ngọc Hoài	Thương	D20_MAR03	7,61	78
641	DH72001505	Lâm Huỳnh Bảo	Châu	D20_KD01	7,59	65
642	DH72003898	Nguyễn Thị Kim	Yên	D20_KD01	7,56	65
643	DH72007132	Đặng Nguyễn Khánh	Hà	D20_MAR05	7,56	73
644	DH72005264	Trần Ngọc	Hân	D20_MAR01	7,55	65
645	DH72005612	Trần Thị Mỹ	Trinh	D20_MAR04	7,55	71
646	DH72007028	Nguyễn Bích	Ngọc	D20_KD02	7,54	79
647	DH72007010	Phạm Chí	Bảo	D20_KD02	7,53	66
648	DH72006991	Hoàng Phước Dân	An	D20_MAR05	7,52	66
649	DH72005520	Cao Thanh	Tuyền	D20_MAR04	7,51	75
650	DH72000342	Nguyễn Ngọc	My	D20_KD01	7,49	65
651	DH72005345	Giang Hải	Luân	D20_KD02	7,49	74
652	DH72006944	Phạm Trung	Nhân	D20_MAR05	7,49	78
653	DH72005562	Nguyễn Trung	Thuận	D20_MAR03	7,47	81
654	DH72002867	Lý Thị Ngọc	Xuyên	D20_TC01	7,47	65
655	DH72006800	Nguyễn Thị Ngọc	Hằng	D20_TC03	7,47	72
656	DH72004735	Bùi Tấn	Đạt	D20_TC03	7,46	75
657	DH72000830	Phan Thị Diễm	My	D20_MAR02	7,44	65
658	DH72007224	Bàn Ngọc	Long	D20_MAR05	7,44	73
659	DH72006978	Nguyễn Quốc	Thắng	D20_MAR05	7,44	73
660	DH72004007	Huỳnh Phương	Thùy	D20_TC02	7,44	65
661	DH72005575	Nguyễn Thị Vân	Thy	D20_TC03	7,43	81
662	DH72003886	Huỳnh Ngọc	Dung	D20_MAR03	7,42	72

V.  
 NG  
 10  
 NG  
 G0  
 \*

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập năm học 2023-2024	Điểm TB ĐGRL năm học 2023-2024	Ghi chú
663	DH72002715	Trương Cao	Cường	D20_KD01	7,41	79	
664	DH72003946	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	D20_TC01	7,41	73	
665	DH72007207	Huỳnh Phương	Linh	D20_TC03	7,41	72	
666	DH72001742	Nguyễn Minh	Thư	D20_KD01	7,40	65	
667	DH72005476	Phạm Ngọc Như	Quỳnh	D20_KD02	7,40	74	
668	DH72000143	Hồ Thị Bích	Ngân	D20_MAR02	7,39	74	
669	DH72005181	Nguyễn Thanh Minh	Bách	D20_TC03	7,39	75	
670	DH72005522	Nguyễn Thanh	Tuyền	D20_TC03	7,39	71	
671	DH72004476	Nguyễn Đức	Phát	D20_MAR03	7,37	76	
672	DH72005451	Phan Hoàng Gia	Phúc	D20_MAR05	7,37	66	
673	DH72006998	Châu Tuấn	Phúc	D20_TC02	7,37	75	
674	DH72007031	Lương Nữ Kiều	Tiên	D20_TC02	7,36	68	
675	DH72007191	Lê Cao Khánh	Vân	D20_KD02	7,35	65	
676	DH72002811	Phan Gia	Huy	D20_MAR02	7,35	65	
677	DH72001383	Võ Lê Linh	Đan	D20_TC01	7,35	81	
678	DH72004686	Nguyễn Thanh	Nga	D20_MAR01	7,34	76	
679	DH72001618	Trần Thị Phương	Quỳnh	D20_MAR02	7,34	73	
680	DH72002711	Hà Kim	Dung	D20_TC02	7,34	65	
681	DH72005354	Trần Thị Thanh	Mai	D20_TC02	7,34	76	
682	DH72004465	Nguyễn Thu	Yên	D20_MAR03	7,33	72	
683	DH72005404	Trần Thị Bích	Ngọc	D20_TC02	7,30	74	
684	DH72006628	Nguyễn Thị Bạch	Dương	D20_MAR05	7,29	71	
685	DH72002193	Lê Phạm Phương	Quỳnh	D20_KD02	7,27	74	
686	DH72007060	Hà Tuyết	Sương	D20_TC03	7,27	67	
687	DH72003326	Hồ Thị Thùy	Trúc	D20_KD01	7,26	83	
688	DH72003265	Đào Thị Phương	Thảo	D20_TC03	7,26	77	
689	DH72004991	Trần Thị Bích	Phương	D20_MAR04	7,25	80	
690	DH72007086	Đào Kim	Yên	D20_MAR05	7,25	71	
691	DH72002643	Viên Ngọc Trâm	Hoa	D20_TC03	7,24	75	
692	DH72005543	Nguyễn Đỗ Duy	Thảo	D20_TC03	7,24	73	
693	DH72007025	Từ Văn	Hào	D20_MAR05	7,23	71	
694	DH72004774	Phạm Thiên	Thanh	D20_TC03	7,23	70	
695	DH72005463	Nguyễn Phước Thu	Phương	D20_KD02	7,22	66	
696	DH72004363	Ngô Thị Ngọc	Giao	D20_MAR03	7,22	75	
697	DH72007040	Trần Ngọc	Thúy	D20_MAR05	7,22	68	
698	DH72007039	Mai Ngọc Thanh	Vân	D20_MAR05	7,22	68	
699	DH72007227	Phạm Trần Mỹ	Duyên	D20_KD02	7,21	73	
700	DH72000462	Phạm Minh	Thư	D20_MAR03	7,21	72	
701	DH72005256	Nguyễn Thị Thu	Hằng	D20_MAR04	7,21	77	
702	DH72001220	Nguyễn Hoàng Cẩm	Tiên	D20_TC01	7,21	67	
703	DH72007357	Nguyễn Ngọc	Thảo	D20_TC03	7,21	80	
704	DH72005647	Nguyễn Phương	Vy	D20_MAR04	7,20	74	
705	DH72006767	Mai Thị Phương	Hà	D20_TC02	7,19	81	
706	DH72003175	Nguyễn Bảo	Ngân	D20_KD01	7,18	80	
707	DH72002030	Nguyễn Trần Minh	Triết	D20_KD01	7,17	72	
708	DH72002231	Nguyễn Đỗ Phương	Trâm	D20_MAR02	7,17	72	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập năm học 2023-2024	Điểm TB ĐGRL năm học 2023-2024	Ghi chú
709	DH72004017	Đặng Huy	Tùng	D20_MAR03	7,17	76	
710	DH72003815	Trần Tổ	Tuyên	D20_KD01	7,16	77	
711	DH72005508	Hàn Thị Cẩm	Tú	D20_MAR04	7,15	72	
712	DH72005016	Đào Thị Kiều	Linh	D20_TC02	7,15	70	
713	DH72005176	Trương Bảo	Anh	D20_MAR03	7,14	75	
714	DH72006960	Lê Thị ánh	Nhi	D20_KD02	7,11	80	
715	DH72007109	Ngô Minh	Tuấn	D20_MAR05	7,11	71	
716	DH72005433	Lê Thị Quỳnh	Như	D20_TC02	7,11	69	
717	DH72005461	Lê Thị Thu	Phương	D20_KD02	7,10	67	
718	DH72002726	Trương Thị Hương	Nhanh	D20_MAR02	7,09	65	
719	DH72006936	Vũ Thị	Quyên	D20_TC02	7,09	70	
720	DH72005271	Nguyễn Thị Ngọc	Hiếu	D20_TC03	7,09	83	
721	DH72006781	Nguyễn Thị Kim	Tuyên	D20_MAR05	7,08	70	
722	DH72003752	Võ Thị Tuyết	Nhung	D20_TC01	7,07	70	
723	DH72002549	Tống Thị Thùy	Dương	D20_MAR02	7,06	65	
724	DH72004706	Nguyễn Hà Hải	Đặng	D20_MAR01	7,05	80	
725	DH72005163	Lê Hoàng	Anh	D20_MAR04	7,05	65	
726	DH72004112	Hồ Anh	Khoa	D20_TC02	7,05	67	
727	DH72005422	Nguyễn Thị Vân	Nhi	D20_KD02	7,04	78	
728	DH72000437	Nguyễn Hà Tố	Uyên	D20_TC03	7,04	73	
729	DH72007008	Nguyễn Lê Phương	Dung	D20_MAR05	7,03	79	
730	DH72007361	Nguyễn Thị Tuyết	Loan	D20_MAR01	7,02	78	
731	DH72006946	Hoàng Thị Tường	Vy	D20_TC03	7,02	69	
732	DH72003620	Nguyễn Hồ Thùy	Trang	D20_TC01	7,01	70	
733	DH72007183	Hoàng Thị Mai	Thi	D20_TC03	7,00	65	
734	DH72110098	Lê Thị Hồng	Nhung	D21_TC03	8,28	79	
735	DH72114297	Đào Thị ánh	Xuân	D21_MAR01	8,31	78	
736	DH72109755	Phan Thị Thu	Hằng	D21_MAR02	8,16	78	
737	DH72104542	Nguyễn Thị ánh	Loan	D21_KD01	8,00	78	
738	DH72108817	Nguyễn Đào Gia	Phụng	D21_TC01	8,22	76	
739	DH72110254	Nguyễn Thị Thu	Thảo	D21_MAR02	8,26	76	
740	DH72107687	Phạm Thị Anh	Đào	D21_MAR03	8,42	75	
741	DH72109035	Phạm Thị Quỳnh	Hoa	D21_TC01	8,15	72	
742	DH72114549	Trần Đình Minh	Tuyên	D21_TC02	8,35	72	
743	DH72114720	Nguyễn Duy	Khánh	D21_TC03	8,33	72	
744	DH72114625	Nguyễn Lê Thảo	My	D21_MAR01	8,38	71	
745	DH72113335	Lê Thụy Ngọc	Diễm	D21_TC02	8,08	71	
746	DH72105969	Huỳnh Đông	Lai	D21_TC01	8,40	70	
747	DH72110266	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	D21_MAR05	8,05	69	
748	DH72113534	Phạm Thị Kiều	Loan	D21_MAR02	8,14	68	
749	DH72109796	Âu Mỹ	Hoa	D21_TC02	8,48	67	
750	DH72113872	Nguyễn Việt Minh	Vũ	D21_MAR04	8,26	65	
751	DH72113472	Nguyễn Duy	Đạt	D21_KD02	8,13	65	
752	DH72104786	Nguyễn Lê Chí	Hiếu	D21_MAR01	7,99	79	
753	DH72109733	Nguyễn Hồng	Hà	D21_MAR05	7,98	71	
754	DH72108693	Trần Ngọc Bảo	Uyên	D21_MAR01	7,96	78	

C H E N

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập năm học 2023-2024	Điểm TB ĐGRL năm học 2023-2024	Ghi chú
755	DH72100135	Nguyễn Thị Thùy	Tiên	D21_TC02	7,96	91	
756	DH72109663	Đỗ Tiến	Danh	D21_MAR02	7,94	79	
757	DH72107876	Phạm Tấn	Lộc	D21_MAR03	7,93	75	
758	DH72100573	Huỳnh Ngọc Minh	Tuấn	D21_MAR04	7,92	65	
759	DH72109592	Phi Lê Ngọc	An	D21_TC03	7,92	79	
760	DH72109901	Lê Thị Thủy	Kiều	D21_TC03	7,92	67	
761	DH72109833	Nguyễn Phi	Hùng	D21_KD02	7,90	79	
762	DH72110467	Huỳnh Ngọc Tuyết	Vân	D21_TC02	7,90	70	
763	DH72109787	Trần Thị	Hiền	D21_TC02	7,87	76	
764	DH72114023	Nguyễn Thị Thùy	Linh	D21_MAR01	7,83	70	
765	DH72109754	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	D21_MAR02	7,81	72	
766	DH72100024	Phạm Nguyễn Vĩ	Thái	D21_TC01	7,81	66	
767	DH72114157	Trần Thị Kim	Thúy	D21_MAR01	7,80	81	
768	DH72110308	Tài Nữ An	Thuyên	D21_MAR05	7,80	80	
769	DH72114017	Nguyễn Thị Thùy	Trang	D21_KD02	7,79	69	
770	DH72100229	Đoàn Phương	Dung	D21_TC01	7,79	70	
771	DH72104592	Hồ Vũ Hồng	Nhi	D21_MAR02	7,78	78	
772	DH72109919	Chung Hoàng	Linh	D21_TC02	7,78	68	
773	DH72110052	Nguyễn Thảo	Nguyên	D21_TC02	7,78	68	
774	DH72114677	Võ Tuyên Ngọc	Minh	D21_KD02	7,77	67	
775	DH72113915	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Giang	D21_MAR01	7,77	76	
776	DH72114739	Phạm Đăng Hiếu	Ngân	D21_TC02	7,77	73	
777	DH72114640	Trần Thị ánh	Nguyệt	D21_MAR01	7,75	86	
778	DH72101230	Quan Quốc	Uy	D21_MAR03	7,75	83	
779	DH72113728	Trịnh Quốc Hoàn	Câu	D21_MAR05	7,74	74	
780	DH72100553	Nguyễn Tuấn	Bảo	D21_TC02	7,73	75	
781	DH72111645	Nguyễn Vân	Quỳnh	D21_TC03	7,73	67	
782	DH72110277	Vũ Khánh	Thiện	D21_TC03	7,72	66	
783	DH72106132	Võ Thị	Vân	D21_MAR03	7,71	77	
784	DH72105951	Lê Hữu	Tâm	D21_TC01	7,71	70	
785	DH72109948	Trịnh Thiêm	Long	D21_TC03	7,71	66	
786	DH72100023	Trần Thành	Đạt	D21_MAR03	7,69	70	
787	DH72101033	Huỳnh Thị ánh	Tuyết	D21_TC01	7,69	68	
788	DH72110437	Hà Thanh	Tuyên	D21_KD02	7,68	80	
789	DH72107781	Phạm Dương Uyên	Nhi	D21_TC01	7,68	82	
790	DH72114429	Trần Thị Thủy	Tiên	D21_MAR01	7,66	76	
791	DH72108537	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	D21_TC01	7,65	84	
792	DH72109770	Thái Gia	Hân	D21_MAR02	7,64	76	
793	DH72109768	Phạm Bửu	Hân	D21_TC02	7,64	72	
794	DH72110363	Cù Nguyễn Ngọc	Trâm	D21_TC03	7,63	81	
795	DH72109998	Trần Thị Hải	My	D21_KD02	7,62	74	
796	DH72110023	Nguyễn Thị Kim	Ngân	D21_MAR05	7,62	82	
797	DH72106570	Trần Tài	Nguyên	D21_TC01	7,59	66	
798	DH72110011	Nguyễn Ngọc	Nga	D21_TC03	7,59	69	
799	DH72106529	Nguyễn Phi	Hùng	D21_KD01	7,58	86	
800	DH72105421	Phạm Như	Quỳnh	D21_KD01	7,58	67	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập năm học 2023-2024	Điểm TB ĐGRL năm học 2023-2024	Ghi chú
801	DH72110379	Nguyễn Trần Bảo	Trần	D21_MAR05	7,57	70	
802	DH72110491	Lê Kiều	Vy	D21_MAR02	7,56	70	
803	DH72114515	Nguyễn Thục	Hiền	D21_MAR05	7,56	66	
804	DH72101483	Phan Hồng	Phuong	D21_TC01	7,56	76	
805	DH72104575	Phạm Thị	Quý	D21_MAR04	7,54	79	
806	DH72109932	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	D21_MAR05	7,53	65	
807	DH72100260	Đặng Ngọc Hiếu	Thảo	D21_TC01	7,53	68	
808	DH72114068	Nguyễn Vũ Như	Uyên	D21_MAR01	7,52	84	
809	DH72114635	Nguyễn Phương	Thúy	D21_MAR01	7,51	78	
810	DH72109617	Phan Huệ	Anh	D21_TC02	7,51	69	
811	DH72114362	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	D21_TC02	7,51	67	
812	DH72109914	Đình Thanh	Liêm	D21_TC02	7,50	65	
813	DH72100494	Trần Ngô Huệ	Nhân	D21_KD01	7,48	73	
814	DH72113509	Phan Thị Phương	Nhi	D21_KD02	7,48	71	
815	DH72109946	Nguyễn Ngọc Hồng	Loan	D21_MAR02	7,48	67	
816	DH72110143	Nguyễn Trọng	Phúc	D21_MAR05	7,48	65	
817	DH72105123	Lê Thị Minh	Thùy	D21_TC01	7,48	79	
818	DH72106705	Nguyễn Thị Ngọc	Trình	D21_TC01	7,48	66	
819	DH72100336	Nguyễn Thị Mỹ	Tâm	D21_TC02	7,48	66	
820	DH72106126	Nguyễn Thị Lan	Anh	D21_MAR04	7,46	77	
821	DH72100013	Huỳnh Bửu	Doanh	D21_MAR04	7,46	72	
822	DH72100117	Phan Thị Thu	Thùy	D21_MAR02	7,45	76	
823	DH72104541	Đào Nguyên Như	ý	D21_KD01	7,44	68	
824	DH72113831	Trần Nguyên	An	D21_MAR01	7,42	79	
825	DH72100109	Nguyễn Thị Trung	ánh	D21_TC02	7,42	68	
826	DH72109936	Nguyễn Vũ Phương	Linh	D21_TC02	7,41	67	
827	DH72109777	Trần Thị Thu	Hậu	D21_TC03	7,41	84	
828	DH72114494	Nguyễn Ngọc Bảo	Yến	D21_TC02	7,40	66	
829	DH72110021	Nguyễn Kim	Ngân	D21_TC03	7,40	70	
830	DH72103368	Trần Thị Kim	Thu	D21_KD01	7,38	73	
831	DH72110017	Lê Thanh	Ngân	D21_KD02	7,38	76	
832	DH72110026	Nguyễn Thị Phương	Ngân	D21_KD02	7,38	79	
833	DH72110189	Võ Thị Hoàn	Quyên	D21_MAR02	7,38	85	
834	DH72110157	Văn Thị Thu	Phuong	D21_KD02	7,37	77	
835	DH72109825	Hồ Thị Thanh	Huệ	D21_TC03	7,36	85	
836	DH72109072	Phạm Thị Mỹ	Dung	D21_TC02	7,35	84	
837	DH72108232	Triệu Thị	Trang	D21_TC01	7,34	71	
838	DH72100660	Lê Hoàng	Thông	D21_KD02	7,33	66	
839	DH72114099	Trần Đặng Khánh	Hiền	D21_MAR01	7,31	78	
840	DH72111005	Lê Anh	Huy	D21_MAR04	7,31	71	
841	DH72113733	Vòng Ngọc Phương	Uyên	D21_MAR02	7,28	76	
842	DH72114007	Phan Phụng Bảo	Yến	D21_TC03	7,28	91	
843	DH72114566	Võ Thảo	Nguyên	D21_KD02	7,27	68	
844	DH72104618	Trần Lê Huỳnh	Tính	D21_MAR01	7,26	65	
845	DH72113291	Huỳnh Trung	Hiếu	D21_MAR05	7,26	85	
846	DH72106636	Nguyễn Hữu	Toán	D21_TC01	7,26	73	



STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập năm học 2023-2024	Điểm TB ĐGRL năm học 2023-2024	Ghi chú
847	DH72109636	Trương Nguyễn Gia	Bào	D21_MAR02	7,25	75	
848	DH72100257	Trương Kim	Thơ	D21_TC01	7,25	66	
849	DH72110246	Lê Thị Phương	Thảo	D21_MAR02	7,24	66	
850	DH72110443	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	D21_MAR02	7,24	73	
851	DH72110132	Đinh Thị	Phấn	D21_MAR05	7,24	70	
852	DH72110139	Mai Trọng	Phúc	D21_TC03	7,23	96	
853	DH72110239	Tạ Phúc	Thành	D21_TC03	7,23	66	
854	DH72005969	Lâm Thị Bích	Ngân	D21_KD01	7,21	74	
855	DH72108779	Lý Thanh	Thảo	D21_MAR03	7,21	70	
856	DH72107432	Lê Huỳnh	Như	D21_TC01	7,21	69	
857	DH72110294	Nguyễn Ngọc	Thuận	D21_MAR02	7,20	66	
858	DH72104049	Cao Ngọc Thảo	Uyên	D21_TC01	7,20	75	
859	DH72109748	Nguyễn Quang	Hào	D21_TC02	7,20	65	
860	DH72109872	Nguyễn Bảo	Khang	D21_MAR04	7,19	68	
861	DH72110041	Ngô Thị Cẩm	Ngọc	D21_MAR05	7,19	69	
862	DH72110076	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	D21_TC02	7,19	70	
863	DH72110299	Cao Nguyễn Thị	Thùy	D21_MAR01	7,18	67	
864	DH72106446	Võ Ngọc Yên	Nhi	D21_MAR03	7,18	73	
865	DH72109978	Nguyễn Thị Như	Mai	D21_MAR04	7,16	65	
866	DH72110058	Phạm Thị Thanh	Nhàn	D21_MAR05	7,16	69	
867	DH72001103	Nguyễn Thị Thanh	Nhã	D21_KD01	7,15	77	
868	DH72114101	Nguyễn Thị Minh	Huyền	D21_MAR01	7,15	76	
869	DH72101060	Huỳnh Ngọc Lai	Thanh	D21_MAR01	7,15	66	
870	DH72109848	Võ Đức	Huy	D21_MAR02	7,15	70	
871	DH72110364	Lê Thị Ngọc	Trâm	D21_MAR05	7,15	75	
872	DH72100683	Ngô Thị Thùy	Dung	D21_TC02	7,15	73	
873	DH72110122	Lê Trần Han	Ny	D21_MAR02	7,14	67	
874	DH72110517	Huỳnh Thụy Hoàng	Yên	D21_KD02	7,13	71	
875	DH72110156	Trần Thị Thu	Phương	D21_MAR02	7,13	72	
876	DH72110261	Trương Thị Phương	Thảo	D21_MAR02	7,13	65	
877	DH72110350	Đỗ Thị Đài	Trang	D21_TC02	7,12	65	
878	DH72113762	Đoàn Thị Xuân	Diệu	D21_MAR05	7,10	73	
879	DH72109940	Trần Thị Mỹ	Linh	D21_TC02	7,09	67	
880	DH72101504	Phạm Văn	Phú	D21_KD02	7,08	70	
881	DH72104586	Trần Yên	Hằng	D21_MAR03	7,08	79	
882	DH72103364	Nguyễn Thị Thu	Phương	D21_TC02	7,08	66	
883	DH72100193	Nguyễn Trịnh Thanh	Trúc	D21_MAR04	7,07	67	
884	DH72110343	Lê Anh	Toại	D21_MAR05	7,07	80	
885	DH72109842	Nguyễn Quang	Huy	D21_TC03	7,07	77	
886	DH72114402	Đặng Thị Hồng	Hạnh	D21_MAR01	7,06	67	
887	DH72112982	Trần Hoàng	Lê	D21_TC03	7,06	68	
888	DH72101311	Nguyễn Thị Kim	Ngân	D21_MAR04	7,04	76	
889	DH72114633	Võ Trương Hà	Tiên	D21_MAR01	7,03	65	
890	DH72109018	Trương Thúy	Quỳnh	D21_MAR02	7,03	69	
891	DH72109893	Nguyễn Ngọc Minh	Khuê	D21_MAR05	7,03	68	
892	DH72107465	Lê Nhật	Hào	D21_TC01	7,02	68	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập năm học 2023-2024	Điểm TB ĐGRL năm học 2023-2024	Ghi chú
893	DH72110123	Đặng Thị Hoàng	Oanh	D21_MAR05	7,00	78	
894	DH72202087	Nguyễn Anh	Huy	D22_QT05	8,04	76	
895	DH72202517	Nguyễn Đào Tường	Vy	D22_QT01	8,20	70	
896	DH72201993	Bùi Mai Bảo	Duy	D22_QT01	7,99	84	
897	DH72202064	Trần Thị Thu	Hòa	D22_QT01	7,89	87	
898	DH72202339	Nguyễn Thị Kim	Thân	D22_QT01	7,86	79	
899	DH72202386	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	D22_QT03	7,85	68	
900	DH72202121	Nguyễn Huỳnh Minh	Khôi	D22_QT05	7,84	66	
901	DH72202042	Lê Phúc	Hậu	D22_QT05	7,82	66	
902	DH72202011	Trần Hoàng	Giang	D22_QT06	7,82	66	
903	DH72202259	Trịnh Nguyễn An	Nhi	D22_QT01	7,81	88	
904	DH72202024	Nguyễn Gia	Hân	D22_QT01	7,78	71	
905	DH72203682	Nguyễn Thị Kiều	Mi	D22_QT09	7,77	65	
906	DH72202466	Phạm Nguyễn Thanh	Trúc	D22_QT01	7,74	83	
907	DH72201916	Huỳnh Ngọc Chiêu	Anh	D22_QT03	7,73	88	
908	DH72202216	Trần Thị Thúy	Ngân	D22_QT04	7,72	80	
909	DH72202060	Kiều Ngọc	Hoa	D22_QT02	7,71	91	
910	DH72202252	Nguyễn Thị Yên	Nhi	D22_QT07	7,71	76	
911	DH72202281	Trần Quảng	Phát	D22_QT05	7,70	65	
912	DH72201944	Quách Ngọc	Châu	D22_QT05	7,69	71	
913	DH72202162	Nguyễn Tuấn	Lợi	D22_QT03	7,68	91	
914	DH72202505	Võ Thùy	Vi	D22_QT01	7,64	72	
915	DH72202274	Nguyễn Thị Kim	Ni	D22_QT06	7,64	77	
916	DH72201995	Trần Thanh	Duy	D22_QT04	7,63	74	
917	DH72202138	Nguyễn Ngọc	Lan	D22_QT05	7,63	68	
918	DH72202168	Nguyễn Thị Yên	Ly	D22_QT06	7,63	68	
919	DH72202150	Nguyễn Thị Ngọc Yên	Linh	D22_QT08	7,63	85	
920	DH72202007	Trần Thị Mỹ	Duyên	D22_QT04	7,61	89	
921	DH72202235	Đinh Thị Thu	Nguyệt	D22_QT08	7,59	79	
922	DH72202143	Ngô Thị Bích	Liên	D22_QT03	7,56	71	
923	DH72202391	Trương Thị Anh	Thư	D22_QT01	7,55	80	
924	DH72202395	Trần Võ Thị Hoài	Thương	D22_QT01	7,54	82	
925	DH72202398	Lê Thị Thu	Thúy	D22_QT08	7,54	83	
926	DH72202233	Trần Thị Thảo	Nguyên	D22_QT04	7,49	85	
927	DH72202531	Trần Như	ý	D22_QT01	7,48	75	
928	DH72202400	Phan Thị Cẩm	Thúy	D22_QT01	7,41	87	
929	DH72202488	Mai Thị Thanh	Tuyền	D22_QT08	7,41	76	
930	DH72202047	Hoàng Thị Thu	Hiền	D22_QT05	7,40	68	
931	DH72202279	Huỳnh Tấn	Phát	D22_QT08	7,38	68	
932	DH72203712	Quách Thị Gia	Lợi	D22_QT09	7,37	75	
933	DH72202169	Trần Thị Diệu	Ly	D22_QT04	7,35	75	
934	DH72201982	Trương Thị Bích	Dung	D22_QT05	7,31	71	
935	DH72202420	Trần Trúc	Trâm	D22_QT05	7,31	77	
936	DH72202441	Trương Thùy	Trang	D22_QT08	7,30	73	
937	DH72202322	Nguyễn Ngọc	Tài	D22_QT05	7,29	68	
938	DH72202244	Đào Yên	Nhi	D22_QT07	7,29	69	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập năm học 2023-2024	Điểm TB ĐGRL năm học 2023-2024	Ghi chú
939	DH72202428	Phạm Thị Bảo	Trân	D22_QT05	7,26	92	
940	DH72202373	Đặng Thị Tiểu	Thơ	D22_QT02	7,25	90	
941	DH72202287	Lý Tuyết	Phụng	D22_QT03	7,24	84	
942	DH72202396	Võ Dương Hoài	Thương	D22_QT04	7,24	73	
943	DH72202362	Phan Nguyễn Phương	Thảo	D22_QT05	7,24	68	
944	DH72202966	Phan Châu	Anh	D22_QT09	7,15	69	
945	DH72201953	Đỗ Thị Hồng	Cúc	D22_QT02	7,13	87	
946	DH72202403	Nguyễn Thị Minh	Thùy	D22_QT02	7,12	67	
947	DH72202000	Lê Thị	Duyên	D22_QT03	7,12	85	
948	DH72203702	Lê Ngọc	Thu	D22_QT09	7,10	69	
949	DH72202435	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	D22_QT03	7,09	74	
950	DH72201949	Trần Minh	Chiến	D22_QT01	7,08	77	
951	DH72201951	Lê Công	Chính	D22_QT07	7,07	72	
952	DH72202352	Mỹ Thị Hiền	Thảo	D22_QT06	7,06	68	
953	DH72202329	Trần Thị Thanh	Tâm	D22_QT01	7,04	74	
954	DH72202426	Nguyễn Ngọc Mai	Trân	D22_QT09	7,04	68	
955	DH72201947	Ngô Thị Ngọc	Chi	D22_QT03	7,03	72	
956	DH72202462	Lê Thị Thanh	Trúc	D22_QT03	7,02	73	
957	DH72202061	Phan Nguyễn Thị Kim	Hoa	D22_QT08	7,01	72	
958	DH72301278	Trần Thị Bảo	Ngọc	D23_QT04	8,30	79	
959	DH72302063	Phạm Hoài Bảo	Trâm	D23_QT02	8,16	77	
960	DH72303080	Bùi Trần Phương	Quyên	D23_QT05	8,81	72	
961	DH72301480	Nguyễn Tuấn	Phát	D23_QT05	8,56	69	
962	DH72302371	Huỳnh Nguyễn Như	ý	D23_QT03	7,99	74	
963	DH72302580	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	D23_QT05	7,88	69	
964	DH72301654	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	D23_QT03	7,81	81	
965	DH72302904	Võ Minh	Trương	D23_QT05	7,79	73	
966	DH72302064	Thân Thị Mai	Trâm	D23_QT02	7,75	68	
967	DH72301579	Bùi Thanh	Phương	D23_QT01	7,74	78	
968	DH72302581	Phan Trần Như	ý	D23_QT04	7,72	67	
969	DH72300662	Hoàng Văn	Huy	D23_QT02	7,71	70	
970	DH72302051	Phan Thị Thanh	Trang	D23_QT01	7,64	82	
971	DH72301267	Nguyễn Kim	Ngọc	D23_QT04	7,63	77	
972	DH72300732	Trần Thu	Huyền	D23_QT02	7,60	75	
973	DH72300729	Lương Thị Ngọc	Huyền	D23_QT05	7,60	69	
974	DH72301348	Hồ Thị Thanh	Nhân	D23_QT05	7,53	68	
975	DH72302161	Đặng Nguyễn Nhựt	Trường	D23_QT05	7,53	73	
976	DH72301748	Nguyễn Phương	Tánh	D23_QT02	7,52	70	
977	DH72300609	Phạm Minh	Hoàng	D23_QT02	7,46	68	
978	DH72300450	Đặng Thị Quỳnh	Giao	D23_QT01	7,43	67	
979	DH72301232	Đỗ Thị Thanh	Ngân	D23_QT01	7,43	73	
980	DH72301438	Trần Thị Mỹ	Nhung	D23_QT01	7,41	70	
981	DH72301018	Nguyễn Minh	Lợi	D23_QT02	7,38	66	
982	DH72301963	Trần Thị Minh	Thư	D23_QT03	7,38	78	
983	DH72302353	Nguyễn Thị Thúy	Vy	D23_QT03	7,38	83	
984	DH72301942	Trần Thị Kim	Thùy	D23_QT01	7,37	74	

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập năm học 2023-2024	Điểm TB ĐGRL năm học 2023-2024	Ghi chú
985	DH72302078	Nguyễn Thị Huyền	Trần	D23_QT02	7,37	67
986	DH72300061	Nguyễn Thị Lan	Anh	D23_QT03	7,36	72
987	DH72300523	Nguyễn Ngọc	Hiền	D23_QT02	7,35	77
988	DH72302342	Hà Thị	Vy	D23_QT02	7,35	70
989	DH72302109	Phạm Thị Ngọc	Trình	D23_QT02	7,30	71
990	DH72301956	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	D23_QT03	7,28	84
991	DH72301270	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	D23_QT01	7,26	68
992	DH72303074	Lương Thị Ngọc	Giàu	D23_QT05	7,23	74
993	DH72301286	Bùi Tuấn	Nghĩa	D23_QT04	7,21	65
994	DH72301488	Trần Thuận	Phát	D23_QT03	7,13	72
995	DH72302130	Đỗ Hà Nhã	Trúc	D23_QT05	7,13	66
996	DH72303022	Nguyễn Lê Huỳnh	Trâm	D23_QT04	7,12	68
997	DH72300353	Hà Hồng	Đức	D23_QT01	7,10	73
998	DH72300756	Võ Ngọc	Hung	D23_QT03	7,10	75
999	DH72301639	Nguyễn Lâm Trị	Quốc	D23_QT03	7,08	72
1000	DH72301450	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	D23_QT02	7,07	85
1001	DH72302377	Cao Nguyễn Hải	Yến	D23_QT03	7,05	66
1002	DH72302940	Trần Băng	Băng	D23_QT04	7,04	80
1003	DH72300336	Nguyễn Trần Vy Anh	Đào	D23_QT03	7,02	76
1004	DH72301575	Ngô Thị Ngọc	Phượng	D23_QT01	7,00	71
1005	DH82006542	Võ Thanh	Lộc	D20_XD02	8,57	71
1006	DH82006525	Nguyễn Trung	Hậu	D20_XD02	7,71	70
1007	DH82002908	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	D20_XD01	7,63	65
1008	DH82004118	Lê Phạm Tấn	Tài	D20_XD02	7,57	71
1009	DH82004522	Từ Thừa	Chí	D20_XD02	7,23	68
1010	DH82004746	Thái Huy	Dũng	D20_XD02	7,02	68
1011	DH82108205	Nguyễn Thành	Đạt	D21_XD01	7,89	80
1012	DH82100561	Nguyễn Tuấn	Khanh	D21_XD01	7,78	94
1013	DH82114568	Trần Thanh	Phát	D21_XD02	7,52	83
1014	DH82114400	Đào Huy Đông	Ngọc	D21_XD02	7,30	68
1015	DH82104497	Huỳnh Ngọc	Son	D21_XD01	7,13	68
1016	DH82100663	Trần Hữu	Nhân	D21_XD01	7,02	73
1017	DH82202566	Nguyễn Đăng	Khoa	D22_XD01	7,99	65
1018	DH82202543	Nguyễn Văn	An	D22_XD02	7,68	78
1019	DH82202548	Nguyễn Lê Ngọc	Cầm	D22_XD02	7,68	74
1020	DH82202588	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	D22_XD01	7,63	71
1021	DH82203670	Nguyễn Nhật Trường	Lộc	D22_XD02	7,16	68
1022	DH82202553	Trần Thanh	Duy	D22_XD01	7,13	76
1023	DH82301078	Nguyễn Minh Bảo	Long	D23_XD01	8,30	72
1024	DH82301426	Nguyễn Lê Minh	Nhật	D23_XD01	7,10	70
1025	DH82300928	Đặng Đình	Khương	D23_XD01	7,06	69
1026	DH92005153	Võ Thanh	Vân	D20_TK3DH	8,38	78
1027	DH92004234	Tý Thiệu Thuận	An	D20_TK3DH	8,09	78
1028	DH92005113	Tô Hoài	Nhi	D20_TK3DH	8,63	76
1029	DH92003926	Đỗ Trọng	Nam	D20_TK3DH	8,27	76
1030	DH92001853	Hồ Văn	Tuấn	D20_TK3DH	8,14	76

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập năm học 2023-2024	Điểm TB ĐGRL năm học 2023-2024	Ghi chú
1031	DH92002174	Trần Quốc	Kha	D20_TK3DH	8,51	75	
1032	DH92003307	Nguyễn Thị Anh	Thư	D20_TK3DH	8,10	75	
1033	DH92002213	Đặng Quốc	Danh	D20_TK4NT	8,37	74	
1034	DH92001276	Huỳnh Cẩm	Thu	D20_TK4NT	8,33	74	
1035	DH92002228	Phạm Thị Mỹ	Huyền	D20_TK4NT	8,21	74	
1036	DH92003546	Lương Quốc	Huy	D20_TK3DH	8,50	73	
1037	DH92001836	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	D20_TK3DH	8,50	73	
1038	DH92002230	Nguyễn Đỗ Tường	Vy	D20_TK3DH	8,41	73	
1039	DH92004421	Trần Thị Lan	Anh	D20_TK4NT	8,48	71	
1040	DH92004360	Nguyễn Lê Hoàng	ánh	D20_TK4NT	8,35	71	
1041	DH92005122	Trần Văn	Quân	D20_TK3DH	8,21	71	
1042	DH92004233	Lê Hoàng Anh	Thư	D20_TK4NT	8,01	71	
1043	DH92005101	Ngô Thị Mỹ	Linh	D20_TK3DH	8,47	70	
1044	DH92004846	Trần Hoài	Nhi	D20_TK3DH	8,27	70	
1045	DH92004622	Nguyễn Huỳnh	Đức	D20_TK3DH	8,05	65	
1046	DH92000017	Phạm Thị Kim	Thùy	D20_TK3DH	7,98	73	
1047	DH92000594	Nguyễn Hữu Anh	Khoa	D20_TK3DH	7,97	74	
1048	DH92003983	Lê Tấn	Phước	D20_TK3DH	7,94	73	
1049	DH92005098	Vũ Đình	Khánh	D20_TK3DH	7,93	69	
1050	DH92005148	Lê Thị Ngọc	Trâm	D20_TK3DH	7,85	73	
1051	DH92003267	Lương Quốc	Anh	D20_TK3DH	7,83	65	
1052	DH92003044	Nguyễn Thành	Luân	D20_TK3DH	7,79	74	
1053	DH92000010	Đoàn Minh	Thư	D20_TK4NT	7,79	68	
1054	DH92004078	Nguyễn Tuấn	Trung	D20_TK3DH	7,72	67	
1055	DH92001058	Phạm Thị Kim	Hằng	D20_TK4NT	7,65	74	
1056	DH92001441	Nguyễn Hà Phương	Ly	D20_TK3DH	7,24	67	
1057	DH92006580	Võ Thị Đông	Giang	D20_TK4NT	7,19	66	
1058	DH92109576	Đỗ Thanh Bình	Yên	D21_TK2TT	8,28	77	
1059	DH92109283	Nguyễn Lê Phương	Anh	D21_TK3DH1	8,25	77	
1060	DH92109460	Trần Thành	Phước	D21_TK3DH2	8,13	77	
1061	DH92109516	Nguyễn Ngọc	Thy	D21_TK3DH2	8,11	74	
1062	DH92103802	Trần Quốc	Toán	D21_TK3DH1	8,50	74	
1063	DH92100355	Nguyễn Công	Thành	D21_TK4NT	8,14	73	
1064	DH92109495	Phạm Đông	Thi	D21_TK3DH2	8,19	69	
1065	DH92107786	Phạm Kim	Xuân	D21_TK4NT	8,44	68	
1066	DH92109492	Phạm Thanh	Thắng	D21_TK3DH2	8,04	67	
1067	DH92109410	Nguyễn Quốc	Minh	D21_TK4NT	7,98	68	
1068	DH92109395	Nguyễn Thị Yến	Linh	D21_TK3DH1	7,94	73	
1069	DH92109394	Nguyễn Thị Thùy	Linh	D21_TK4NT	7,92	65	
1070	DH92109355	Phan Đức	Huân	D21_TK3DH2	7,91	67	
1071	DH92102764	Đặng Ngọc Bảo	Trần	D21_TK3DH1	7,90	81	
1072	DH92100458	Lê Nguyễn Thảo	Vy	D21_TK3DH1	7,90	68	
1073	DH92100277	Lâm Bội	Như	D21_TK3DH1	7,88	67	
1074	DH92107124	Ngô Thanh Ngọc Phương	Uyên	D21_TK3DH2	7,84	72	
1075	DH92103109	Trần Ngọc Khả	Tú	D21_TK1TD	7,80	85	
1076	DH92108741	Nguyễn Thị Thùy	Trang	D21_TK3DH2	7,78	72	



STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập năm học 2023-2024	Điểm TB ĐGRL năm học 2023-2024	Ghi chú
1123	DH92106133	Phan Duy Tân		D21_TK3DH1	7,08	76	
1124	DH92105695	Nguyễn Đông Nam		D21_TK2TT	7,06	72	
1125	DH92109300	Nguyễn Ngọc Bảo Châu		D21_TK3DH2	7,04	66	
1126	DH92101864	Nguyễn Thu Phương		D21_TK3DH2	7,03	74	
1127	DH92100809	Cao Thoại Quỳnh		D21_TK3DH1	7,01	66	
1128	DH92202790	Lê Kim Phụng		D22_TK3DH1	8,26	79	
1129	DH92202685	Đặng Trần Tuấn Hưng		D22_TK3DH3	8,26	79	
1130	DH92202727	Nguyễn Xuân Minh		D22_TK3DH1	8,17	76	
1131	DH92202769	Vòng Mạnh Như		D22_TK3DH1	8,19	75	
1132	DH92202779	Hoàng Tấn Phong		D22_TK3DH1	8,05	74	
1133	DH92202619	Lê Trúc An		D22_TK3DH4	8,19	73	
1134	DH92202689	Ngô Đức Huy		D22_TK3DH1	8,12	72	
1135	DH92202687	Võ Thị Vy Hương		D22_TK3DH3	8,17	71	
1136	DH92202675	Trần Thị Minh Hiếu		D22_TK3DH4	8,08	68	
1137	DH92202669	Nguyễn Thanh Hậu		D22_TK3DH4	8,00	68	
1138	DH92202748	Vương Mỹ Ngọc		D22_TK3DH2	8,39	67	
1139	DH92202699	Trần Vĩnh Khang		D22_TK3DH4	7,95	71	
1140	DH92202832	Lê Thị Thương		D22_TK3DH4	7,92	78	
1141	DH92202874	Nguyễn Ngọc Thiên Tường		D22_TK3DH2	7,91	68	
1142	DH92202863	Đỗ Phạm Thanh Trúc		D22_TK4NT	7,90	72	
1143	DH92202770	Phạm Thị Hồng Nhung		D22_TK3DH1	7,88	76	
1144	DH92202849	Phạm Bảo Trân		D22_TK3DH4	7,88	72	
1145	DH92202700	Nguyễn Hoàng Yến Khanh		D22_TK3DH1	7,86	83	
1146	DH92202758	Lâm Đông Nhi		D22_TK3DH3	7,86	65	
1147	DH92203777	Huỳnh Thị Thùy Trang		D22_TK4NT	7,84	72	
1148	DH92202673	Nguyễn Nhật Hiếu		D22_TK3DH3	7,79	70	
1149	DH92202891	Nguyễn Yến Vy		D22_TK3DH3	7,79	68	
1150	DH92202633	Nguyễn Lê Gia Bảo		D22_TK4NT	7,79	72	
1151	DH92202783	Lê Hoàng Phúc		D22_TK3DH1	7,76	72	
1152	DH92202797	Nguyễn Ngọc Phương Quyên		D22_TK3DH4	7,76	72	
1153	DH92202796	Ngô Ngọc Quyên		D22_TK3DH1	7,72	89	
1154	DH92202853	Trần Thị Thu Trang		D22_TK3DH4	7,71	71	
1155	DH92202717	Nguyễn Phúc Lộc		D22_TK3DH4	7,69	69	
1156	DH92202816	Huỳnh Nhật Thanh		D22_TK3DH3	7,67	73	
1157	DH92202763	Trần Mỹ Nhiên		D22_TK3DH4	7,65	74	
1158	DH92202642	Bùi Hải Đăng		D22_TK3DH3	7,64	65	
1159	DH92202644	Huỳnh Hoài Danh		D22_TK3DH4	7,62	65	
1160	DH92202646	Mai Tấn Đạt		D22_TK3DH4	7,62	67	
1161	DH92202674	Phạm Văn Hiếu		D22_TK3DH4	7,62	65	
1162	DH92202848	Nguyễn Vũ Huyền Trân		D22_TK3DH2	7,60	72	
1163	DH92202888	Huỳnh Tường Vy		D22_TK3DH2	7,58	69	
1164	DH92202827	Nguyễn Thị Đăng Thời		D22_TK2TT	7,57	68	
1165	DH92202638	Nguyễn Thành Chung		D22_TK3DH2	7,57	67	
1166	DH92202632	Nguyễn Đỗ Gia Bảo		D22_TK3DH2	7,55	67	
1167	DH92202749	Phạm Lâm Anh Nguyễn		D22_TK3DH4	7,55	68	
1168	DH92202765	Lê Thị Quỳnh Như		D22_TK3DH2	7,53	69	

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập năm học 2023-2024	Điểm TB ĐGRL năm học 2023-2024	Ghi chú
1169	DH92202852	Phan Thị Thùy	Trang	D22_TK3DH1	7,52	86
1170	DH92202634	Phạm Tuấn	Bảo	D22_TK3DH2	7,51	65
1171	DH92202627	Võ Minh	Anh	D22_TK3DH1	7,50	80
1172	DH92202862	Bùi Kim	Trúc	D22_TK3DH2	7,50	69
1173	DH92202824	Nguyễn Hoàng	Thiện	D22_TK3DH3	7,50	68
1174	DH92202683	Đặng Thị Thu	Hồng	D22_TK3DH4	7,50	67
1175	DH92202628	Hoàng Thị	ánh	D22_TK3DH4	7,48	69
1176	DH92202643	Trần Tuấn	Đặng	D22_TK3DH4	7,48	70
1177	DH92202665	Văn Gia	Hân	D22_TK3DH4	7,48	72
1178	DH92202677	Nguyễn Thu	Hoài	D22_TK4NT	7,48	73
1179	DH92202833	Phan Nguyễn Hoài	Thương	D22_TK3DH4	7,47	68
1180	DH92202666	Võ Thị Thanh	Hằng	D22_TK3DH4	7,46	67
1181	DH92202814	Ngô Gia	Thăng	D22_TK3DH2	7,45	66
1182	DH92202768	Võ Ngọc Quỳnh	Như	D22_TK3DH4	7,45	75
1183	DH92202893	Trần ái	Vy	D22_TK3DH4	7,45	67
1184	DH92202659	Phạm Anh	Duy	D22_TK3DH2	7,44	66
1185	DH92202726	Nguyễn Thị Ngọc	Minh	D22_TK3DH1	7,43	76
1186	DH92202812	Võ Thị Hồng	Thắm	D22_TK3DH1	7,43	75
1187	DH92202786	Nguyễn Hồng	Phúc	D22_TK3DH2	7,43	72
1188	DH92202835	Đình Phạm Thanh	Thúy	D22_TK3DH2	7,43	72
1189	DH92202819	Chung Vĩ	Thành	D22_TK3DH3	7,43	69
1190	DH92202850	Nguyễn Hòa Thu	Trang	D22_TK3DH3	7,43	69
1191	DH92202781	Dương Nguyễn Quang	Phúc	D22_TK3DH4	7,43	71
1192	DH92203918	Trần Chí	Khang	D22_TK3DH1	7,41	75
1193	DH92202691	Lê Thị Mỹ	Huỳnh	D22_TK4NT	7,41	76
1194	DH92202805	Lê Thiện	Tâm	D22_TK2TT	7,39	73
1195	DH92202857	Phan Nhật	Trí	D22_TK3DH1	7,39	77
1196	DH92202870	Lê Minh	Tuấn	D22_TK3DH3	7,39	67
1197	DH92104664	Võ Tấn	Bảo	D22_TK4NT	7,39	66
1198	DH92202806	Lưu Đức	Tân	D22_TK3DH1	7,38	82
1199	DH92202815	Phan Hùng	Thăng	D22_TK3DH2	7,38	65
1200	DH92202889	Lê Thụy Trúc	Vy	D22_TK3DH2	7,36	70
1201	DH92202709	Võ Thị Thu	Lài	D22_TK3DH4	7,35	70
1202	DH92202897	Nguyễn Trần Ngọc	Xuân	D22_TK3DH2	7,34	67
1203	DH92202898	Thạch Ngọc	Yên	D22_TK3DH2	7,34	65
1204	DH92202782	Hoàng Minh	Phúc	D22_TK3DH3	7,34	69
1205	DH92202881	Nguyễn Lê Thế	Vinh	D22_TK3DH3	7,33	75
1206	DH92202882	Nguyễn Thị Trà	Vinh	D22_TK3DH2	7,32	66
1207	DH92202663	Nguyễn Trần Gia	Hân	D22_TK3DH2	7,29	68
1208	DH92202743	Ngô Thị Hồng	Ngọc	D22_TK3DH2	7,26	81
1209	DH92202896	Trương Thảo	Vy	D22_TK3DH2	7,26	70
1210	DH92202694	Hà Duy	Khang	D22_TK3DH3	7,26	67
1211	DH92202676	Nguyễn Thái	Hòa	D22_TK3DH1	7,24	66
1212	DH92202678	Đặng Huy	Hoàng	D22_TK3DH1	7,24	70
1213	DH92202794	Lê Nguyễn Yên	Phương	D22_TK3DH3	7,24	73
1214	DH92202745	Nguyễn Lê Bảo	Ngọc	D22_TK2TT	7,23	67

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập năm học 2023-2024	Điểm TB ĐGRL năm học 2023-2024	Ghi chú
1215	DH92202692	Nguyễn Tiến	Kha	D22_TK3DH1	7,19	89	
1216	DH92202690	Phùng Nhật	Huy	D22_TK3DH2	7,19	66	
1217	DH92202735	Trương Nguyễn Hồng	Ngân	D22_TK3DH2	7,19	67	
1218	DH92202823	Bùi Minh	Thi	D22_TK3DH4	7,19	66	
1219	DH92202693	Phan Thanh	Kha	D22_TK3DH2	7,17	68	
1220	DH92202859	Nguyễn Hoài	Trinh	D22_TK3DH2	7,17	77	
1221	DH92202733	Lê Ngọc Bảo	Ngân	D22_TK3DH3	7,17	66	
1222	DH92202826	Phạm Huỳnh Anh	Thoại	D22_TK3DH4	7,16	70	
1223	DH92203782	Hà Trung	Kiên	D22_TK3DH1	7,12	77	
1224	DH92202708	Phạm Hoàng	Kiều	D22_TK3DH2	7,10	66	
1225	DH92202811	Đoàn Trọng	Tấn	D22_TK3DH3	7,10	70	
1226	DH92202864	Nguyễn Phương	Trúc	D22_TK3DH4	7,05	66	
1227	DH92301462	Trần Kỳ Tú	Oanh	D23_TK3DH2	8,18	78	
1228	DH92301790	Lê Chí	Thanh	D23_TK3DH3	8,45	76	
1229	DH92300014	Nguyễn Ngọc Quỳnh	An	D23_TK3DH3	8,30	76	
1230	DH92300052	Nguyễn Kim	Anh	D23_TK3DH3	8,73	76	
1231	DH92301227	Bùi Kim	Ngân	D23_TK3DH3	8,18	75	
1232	DH92300242	Nguyễn Hoàng	Diệp	D23_TK1TD	8,49	74	
1233	DH92300573	Bùi Lê Hồng	Hoa	D23_TK4NT	8,10	74	
1234	DH92300316	Trần Mỹ	Duyên	D23_TK3DH3	8,08	70	
1235	DH92302984	Lê Quốc	Bảo	D23_TK3DH4	8,40	70	
1236	DH92300361	Trần Minh	Đức	D23_TK1TD	8,34	69	
1237	DH92302266	Nguyễn Nhã	Uyên	D23_TK3DH4	8,08	69	
1238	DH92302245	Nguyễn Hoàng Thanh	Tuyền	D23_TK3DH4	8,24	68	
1239	DH92301407	Hà Ngọc	Nhiều	D23_TK3DH3	8,04	68	
1240	DH92301268	Nguyễn Minh	Ngọc	D23_TK3DH4	8,02	67	
1241	DH92301027	Đỗ Nguyễn Đan	Linh	D23_TK3DH3	8,14	66	
1242	DH92301310	Lê Mẫn	Nguyên	D23_TK3DH1	8,06	66	
1243	DH92302373	Trần Ngọc Như	ý	D23_TK3DH1	8,02	66	
1244	DH92301275	Phạm Minh	Ngọc	D23_TK3DH2	8,28	66	
1245	DH92302079	Nguyễn Thị Huyền	Trần	D23_TK3DH1	8,26	65	
1246	DH92300539	Đào Lê Minh	Hiếu	D23_TK1TD	8,14	65	
1247	DH92302071	Huỳnh Ngọc	Trần	D23_TK1TD	8,09	65	
1248	DH92301273	Nguyễn Thanh Bảo	Ngọc	D23_TK1TD	7,96	66	
1249	DH92300448	Trương Thị Hà	Giang	D23_TK3DH3	7,95	71	
1250	DH92301500	Đặng Kim Như	Phụng	D23_TK3DH1	7,94	71	
1251	DH92302321	Huỳnh Công	Vũ	D23_TK3DH4	7,93	72	
1252	DH92301460	Nguyễn Thị Yến	Oanh	D23_TK3DH2	7,89	74	
1253	DH92301671	Đặng Tiểu	Quyên	D23_TK3DH1	7,88	69	
1254	DH92300980	Nguyễn Thị Thanh	Lam	D23_TK3DH4	7,86	67	
1255	DH92300049	Nguyễn Đức	Anh	D23_TK3DH4	7,85	70	
1256	DH92300122	Nguyễn Thanh	Bình	D23_TK3DH3	7,84	66	
1257	DH92302013	Nhâm Trí	Tin	D23_TK3DH2	7,82	66	
1258	DH92302059	Nguyễn Ngọc Bảo	Trâm	D23_TK3DH1	7,80	67	
1259	DH92301578	Bùi Nhã	Phương	D23_TK3DH3	7,79	70	
1260	DH92301050	Phạm Thị Mỹ	Linh	D23_TK4NT	7,79	70	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập năm học 2023-2024	Điểm TB ĐGRL năm học 2023-2024	Ghi chú
1261	DH92300761	Lê Thị Huỳnh	Hương	D23_TK1TD	7,78	78	
1262	DH92302007	Nguyễn Duy	Tín	D23_TK3DH3	7,78	73	
1263	DH92302678	Trần Hải	Nam	D23_TK3DH4	7,77	68	
1264	DH92300076	Phạm Quỳnh	Anh	D23_TK1TD	7,75	67	
1265	DH92302158	Võ Thành	Trung	D23_TK3DH4	7,74	65	
1266	DH92302365	Dương Kim	Xuân	D23_TK1TD	7,70	77	
1267	DH92300792	Nguyễn Hữu	Khang	D23_TK3DH3	7,70	69	
1268	DH92300767	Văn Công	Hy	D23_TK4NT	7,70	71	
1269	DH92301258	Đỗ Thụy Kim	Ngọc	D23_TK2TT	7,67	71	
1270	DH92300939	Châu Thanh Quỳnh	Kim	D23_TK3DH3	7,67	71	
1271	DH92301056	Trương Ngọc Yến	Linh	D23_TK3DH3	7,63	66	
1272	DH92301975	Lê Trần Thủy	Tiên	D23_TK4NT	7,63	69	
1273	DH92301725	Lê Đức	Tài	D23_TK3DH3	7,54	68	
1274	DH92300597	Kiều Võ Vũ	Hoàng	D23_TK2TT	7,53	72	
1275	DH92301394	Nguyễn Thị Huyền	Nhi	D23_TK3DH4	7,52	71	
1276	DH92302355	Quách Khả	Vy	D23_TK3DH2	7,51	69	
1277	DH92300508	Trương Ngọc Bảo	Hân	D23_TK3DH2	7,50	68	
1278	DH92300499	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	D23_TK3DH1	7,48	70	
1279	DH92300406	Nguyễn Hoàng	Đạt	D23_TK3DH3	7,48	79	
1280	DH92301443	Huỳnh ý	Như	D23_TK3DH1	7,46	70	
1281	DH92301377	Hoàng Yến	Nhi	D23_TK4NT	7,46	67	
1282	DH92300054	Nguyễn Ngọc Mai	Anh	D23_TK3DH1	7,43	69	
1283	DH92302083	Trần Nguyễn Khánh	Trần	D23_TK3DH2	7,42	65	
1284	DH92301476	Nguyễn Thành	Phát	D23_TK2TT	7,40	66	
1285	DH92301998	Phạm Minh	Tiến	D23_TK3DH3	7,40	66	
1286	DH92302056	Bùi Bảo	Trâm	D23_TK3DH2	7,39	65	
1287	DH92300874	Lê Bùi Minh	Khoa	D23_TK3DH3	7,39	68	
1288	DH92301237	Lê Tuyết	Ngân	D23_TK3DH3	7,39	65	
1289	DH92302052	Phạm Thị Thùy	Trang	D23_TK3DH1	7,38	71	
1290	DH92301556	Nguyễn Văn Hoàng	Phúc	D23_TK3DH3	7,35	66	
1291	DH92300825	Cao Gia	Khánh	D23_TK3DH1	7,33	67	
1292	DH92300065	Nguyễn Trần Phương	Anh	D23_TK3DH2	7,33	66	
1293	DH92303083	Nguyễn Ngọc Hải	My	D23_TK3DH3	7,33	65	
1294	DH92300039	Lê Duyên	Anh	D23_TK3DH4	7,33	65	
1295	DH92301448	Nguyễn Hồng	Như	D23_TK3DH2	7,31	69	
1296	DH92301112	Võ Thị Yến	Ly	D23_TK3DH3	7,29	65	
1297	DH92300447	Trần Cẩm	Giang	D23_TK3DH3	7,28	66	
1298	DH92303100	Lê Hoàng	Phúc	D23_TK3DH4	7,27	66	
1299	DH92301576	Nguyễn Thị Bích	Phượng	D23_TK3DH2	7,26	69	
1300	DH92300802	Phạm Gia	Khang	D23_TK3DH2	7,24	71	
1301	DH92302687	Lê Hữu Tấn	Đạt	D23_TK3DH4	7,23	69	
1302	DH92302254	Lâm Cát	Tường	D23_TK3DH4	7,21	66	
1303	DH92302242	Đặng Hồng	Tuyển	D23_TK4NT	7,20	66	
1304	DH92300067	Nguyễn Tuấn	Anh	D23_TK3DH2	7,18	66	
1305	DH92300689	Nguyễn Hoàng	Huy	D23_TK3DH2	7,18	78	
1306	DH92300536	Đỗ Trung	Hiếu	D23_TK3DH2	7,17	65	

10/10

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập năm học 2023-2024	Điểm TB ĐGRL năm học 2023-2024	Ghi chú
1307	DH92301959	Nguyễn Việt Anh	Thư	D23_TK3DH2	7,13	72	
1308	DH92300501	Phan Ngọc Bảo	Hân	D23_TK3DH4	7,13	66	
1309	DH92300785	Huỳnh Vĩnh	Khang	D23_TK4NT	7,12	69	
1310	DH92300112	Ngô Trương Gia	Bội	D23_TK3DH2	7,10	74	
1311	DH92302361	Trương Phan Thúy	Vy	D23_TK3DH2	7,08	66	
1312	DH92301053	Trần Khánh	Linh	D23_TK3DH2	7,07	79	
1313	DH92300942	Nguyễn Thị Bích	Kim	D23_TK3DH1	7,05	65	
1314	DH92300982	Đoàn Nguyễn Nghi	Lan	D23_TK3DH2	7,02	67	



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Cao Hào Thi